

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
-----o0o-----



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0203002740 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hải Phòng cấp
Đăng ký lần đầu, ngày 27 tháng 12 năm 2006
Đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 09 tháng 04 năm 2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Phần I: Thông tin chung	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
5. Định hướng phát triển	8
6. Các rủi ro	10
Phần II: Tình hình hoạt động trong năm	13
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	13
2. Tổ chức và nhân sự	21
3. Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	29
4. Tình hình tài chính	31
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	32
Phần III: Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty	34
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	36
2. Tình hình tài chính	37
3. Kế hoạch phát triển tương lai	38
Phần IV: Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	38
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	38
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc Công ty	38
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	40
Phần V: Quản trị Công ty	42
1. Hội đồng quản trị	42
2. Ban kiểm soát	51
3. Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị của Công ty	54
4. Tiền lương và Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát	54
5. Các giao dịch của cổ đông nội bộ	56
Phần VI: Báo cáo tài chính	56



PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0203002740 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 09 tháng 4 năm 2009 tại Sở Kế hoạch đầu tư tp.Hải Phòng
- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, tp.Hải Phòng
- Số điện thoại: (84-31) 3842151
- Số fax: (84-31) 3842271
- Website: www.vinaship.com.vn
- Mã cổ phiếu: VNA

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

➤ Việc thành lập

Nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập, thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ 6 Đảng Cộng sản Việt Nam, các doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực bắt tay vào công cuộc đổi mới toàn diện về quản lý kinh tế, xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp và chuyển sang cơ chế thị trường theo định hướng Xã hội chủ nghĩa (XHCN). Không nằm ngoài quy luật, Bộ Giao thông vận tải cũng thực hiện đổi mới với việc cắt giảm biên chế khối hành chính sự nghiệp, chuyển chức năng quản lý kinh tế kỹ thuật trực tiếp xuống các doanh nghiệp và thành lập các doanh nghiệp mới.

Cũng trong thời kỳ này, ngày 10/3/1984, Công ty Vận tải biển III (VINASHIP) được thành lập theo Quyết định số 694/QĐ-TCCB của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải .

Ngày 23/3/1993: Bộ Giao thông Vận tải ra quyết định thành lập lại Công ty Vận tải biển III theo Quyết định số 463/QĐ-TCCB. Công ty Vận tải biển III là Doanh nghiệp Nhà nước hạng I, hạch toán kinh tế độc lập, trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận ĐKKD số 105658 do Sở Kế hoạch đầu tư t/p Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 4 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 3 năm 2002.

Ngày 24 tháng 10 năm 2006, Bộ Giao thông vận tải ký quyết định số 2264/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty vận tải biển III , đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty Cổ phần Vận tải biển VINASHIP.



Công ty Cổ phần Vận tải biển VINASHIP đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty ngày 21 tháng 12 năm 2006, được Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **0203002740** ngày 27/12/2006, với tổng số vốn điều lệ là **200** tỷ đồng, trong đó vốn Nhà Nước nắm giữ 51%.

Trong lịch sử 27 năm hình thành và phát triển, Công ty đã luôn nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tích cao trong sản xuất kinh doanh và góp phần đáng kể vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

➤ **Niêm yết cổ phiếu**

Công ty được niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định về việc niêm yết cổ phiếu số 93/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/8/2008.

- Mã chứng khoán: VNA
- Loại cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đ/cổ phiếu
- Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên: 09/09/2008
- Số lượng cổ phiếu niêm yết hiện tại: 20.000.000 cổ phiếu

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

➤ **Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty**

- Kinh doanh vận tải biển;
- Khai thác cầu cảng, kho bãi và dịch vụ giao nhận kho vận;
- Dịch vụ đại lý tàu;
- Dịch vụ đại lý vận tải nội địa, đại lý;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ kiểm đếm hàng hoá;
- Dịch vụ khai thuế hải quan;
- Dịch vụ hợp tác lao động;
- Cho thuê văn phòng, kinh doanh khách sạn;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá.

➤ **Tình hình hoạt động**

Vận tải đường biển:

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hoá, trong quá trình hoạt động, Công ty luôn coi trọng việc đầu tư phát triển đội tàu, trang thiết bị sản xuất, đào tạo bổ sung nguồn



nhân lực. Vì thế trong những năm vừa qua, Công ty đã không những giữ vững mà còn phát triển thị phần vận tải trong nước và khu vực, mở thêm những lĩnh vực kinh doanh mới.

Xét về phương diện quy mô vốn, số tấn trọng tải Đội tàu và thị phần vận tải thì VINASHIP được coi là một trong các doanh nghiệp vận tải biển lớn thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Xét về hiệu quả sản xuất kinh doanh, với mô hình tổ chức hiện có, được thừa hưởng đội ngũ thuyền viên có bề dày kinh nghiệm, đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, Vinaship cũng luôn nằm trong top những doanh nghiệp thành viên có hiệu quả sản xuất kinh doanh và tỷ suất lợi nhuận cao trong Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty cũng đã xác lập được thương hiệu "VINASHIP" trong thị trường vận tải trong nước cũng như thị trường vận tải quốc tế, đặc biệt là hoạt động vận tải hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam và các nước Khu vực Đông Nam Á và Bắc Á. Các đối tác và bạn hàng chiến lược của Công ty là các tập đoàn, nhà kinh doanh, nhà nhập khẩu lớn của khu vực như: nông sản (Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – VINAFOOD II, Thoresen Indochina SA, Bulog, NFA, Toepfer, Cargill, Samsung Logistic, Chayaporn Rice Co., Thailand...), than đá (Thailand Anthracite Coal Co., Ltd, Teparak SA...), Clinker, thạch cao (SCT, SCCC, Larfarge, DIC, ITC, ...), sắt thép (Vinakyoe, Lee Metal Group Singapore, Green Pacific Jakarta...); phân bón (Philippine Phosphata Fertilizer Corporation, Mekatrade Asia Pte Ltd, MITCO Petronas Malaysia...).

Hoạt động dịch vụ logistics và đại lý vận tải đa phương thức: Song hành với kinh doanh vận tải biển, Vinaship đã tích cực phát triển ngành dịch vụ logistics và đại lý vận tải đa phương thức để khai thác thế mạnh về kiến thức, kinh nghiệm và quan hệ trên thị trường vận tải. Vinaship đã đưa ra thị trường sản phẩm dịch vụ logistics có uy tín và chất lượng cao được các khách hàng trong nước cũng như các doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động kinh doanh tại Việt Nam tin cậy.

Các dịch vụ vận chuyển nguyên liệu cung cấp tận nhà máy cho nhà sản xuất, vận chuyển sản phẩm từ nơi sản xuất tới tận kho của các nhà phân phối đang là những sản phẩm dịch vụ vận tải có chất lượng cao được thị trường tin dùng và thị phần ngày càng mở rộng. Hiện tại VINASHIP đã đạt sản lượng dịch vụ logistics và vận tải đa phương thức mỗi tháng hàng ngàn Container nội địa và xuất nhập khẩu. Trong tương lai, tỷ trọng của sản phẩm này trong hoạt động sản xuất kinh doanh của VINASHIP ngày càng tăng, góp phần đáng kể trong doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Hoạt động kho bãi, bốc xếp hàng hoá và dịch vụ kho vận: VINASHIP đang quản lý khai thác 01 bãi Container, 01 bãi CFS và 01 bãi Container hậu phương có vị trí địa lý rất thuận lợi. Với mục tiêu vừa khai thác kho bãi vừa làm dịch vụ kho vận giao nhận kết hợp với lực lượng nhân lực bốc xếp có kinh nghiệm, VINASHIP sẽ đưa ra một dịch vụ forwarding hoàn hảo nhằm



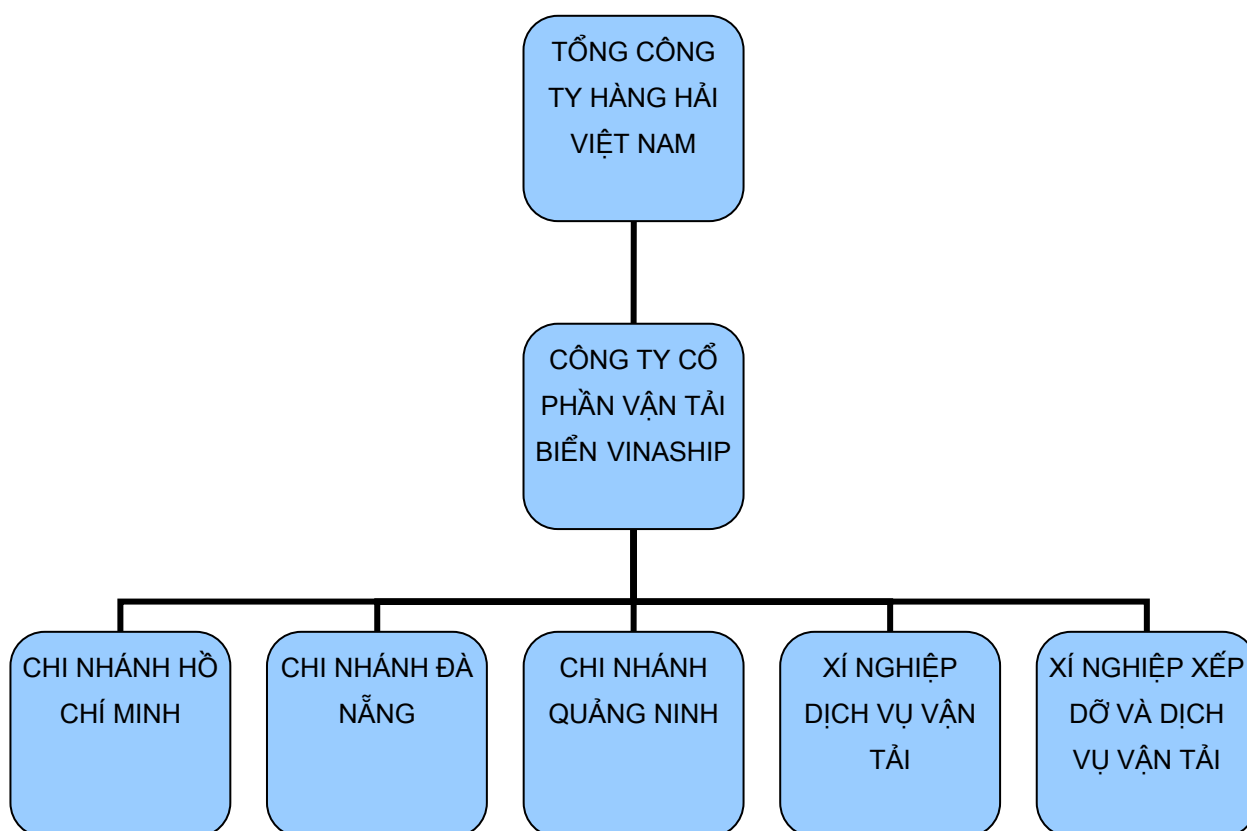
phục vụ khách hàng chu đáo nhất. Hiện tại công việc này đã mang lại việc làm cho hơn một trăm lao động và một nguồn doanh thu đáng kể cho doanh nghiệp. Trong những năm tới, khu vực này sẽ là một bộ phận kinh doanh quan trọng góp phần đa dạng hoá hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

Công tác quản lý tài chính của Công ty luôn giữ vững truyền thống là đơn vị quản lý tài chính nề nếp, vốn và tài sản luôn được bảo toàn, phát triển. Hệ thống tài chính kế toán trong Công ty luôn làm tốt công tác phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản lý và quyết định trong sản xuất kinh doanh cho lãnh đạo Công ty và đây cũng chính là điểm khác biệt giúp cho Công ty luôn được đánh giá là một trong ít Công ty đứng đầu so với các công ty cùng ngành nghề.

So với các đối thủ trên thị trường, VINASHIP là một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong ngành vận tải biển và dịch vụ hàng hải.

4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

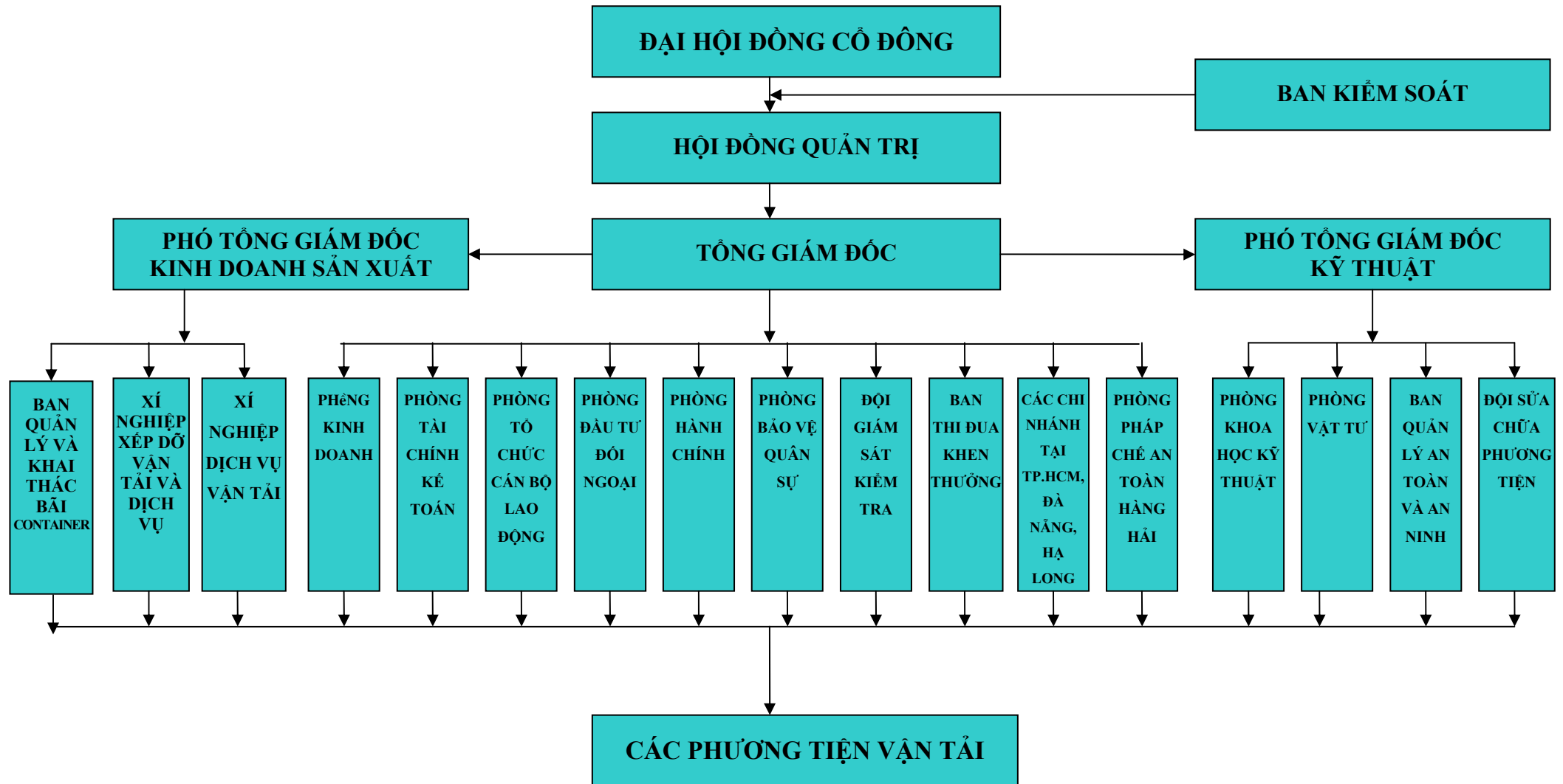
➤ Sơ đồ cơ cấu tổ chức



➤ Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần với sơ đồ như sau:

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY





5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Việt Nam là một quốc gia biển, điều kiện địa lý và tự nhiên rất thuận lợi cho việc phát triển vận tải biển và ngoại thương bằng đường biển. Vài năm trở lại đây, cùng với sự gia tăng lượng hàng hoá lưu thông nội địa, các mặt hàng xuất nhập khẩu như gạo, cà phê, tiêu, hạt điều, dầu thô, khí đốt cũng tăng đáng kể. Đặc biệt, sau khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO, kim ngạch buôn bán giữa Việt Nam và các nước trên thế giới có sự tăng trưởng đáng kể. Lượng hàng hoá lưu thông vô cùng dồi dào đang và sẽ là đòn bẩy giúp ngành vận tải biển Việt Nam phát triển. Đáng nói hơn, cơ hội dành cho đội tàu biển Việt Nam không chỉ là vận chuyển nguồn hàng xuất nhập khẩu trong nước mà còn tham gia chia sẻ thị trường với các nước trong khu vực và trên thế giới. Thị trường hàng hoá trong nước có nhiều khởi sắc, thị trường nước ngoài có những tín hiệu đáng mừng. Trong khu vực, Indonesia và Philippines vẫn là 2 nước nhập khẩu gạo lớn của nước ta. Lượng hàng xuất nhập khẩu của Thái Lan vô cùng dồi dào. Tuy nhiên, đội tàu biển của những nước này không đáp ứng kịp, vì vậy, đội tàu biển Việt Nam ngoài việc vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu trong nước vẫn còn nhiều cơ hội để chia sẻ thị trường với các nước trong khu vực. Các nước láng giềng như Trung Quốc, Campuchia cũng là thị trường đầy tiềm năng cho ngành vận tải biển Việt Nam. Là đơn vị có truyền thống, nhiều kinh nghiệm kinh doanh trên tuyến Châu Á, Công ty đang có những cơ hội lớn để đẩy mạnh quảng bá hình ảnh, thương hiệu, thâm nhập và mở rộng thị phần trong và ngoài nước.

Hiện nay, VINASHIP đang thực hiện chủ trương đầu tư trẻ hoá và cơ cấu lại đội tàu nhằm không ngừng nâng cao chất lượng vận tải, tăng năng lực cạnh tranh của Đội tàu bằng việc đặt đóng mới ở các nhà máy đóng tàu trong và ngoài nước, đồng thời mở rộng giao dịch để mua tàu đã qua sử dụng của nước ngoài. Chính sách phát triển này của VINASHIP nằm trong kế hoạch nâng cao năng suất vận tải và trẻ hóa Đội tàu biển Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Ngoài ra, Công ty còn chú trọng đến công tác đầu tư mở rộng quy mô hoạt động ngành nghề, tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường cho các đơn vị trực thuộc như Xí nghiệp Dịch vụ vận tải, Xí nghiệp Xếp dỡ - Vận tải và Dịch vụ.

Bên cạnh đó, Công ty chủ trương xây dựng hệ thống quản lý chất lượng để cung cấp dịch vụ vận tải biển đạt hiệu quả cao và bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa các rủi ro, đảm bảo quyền lợi của khách hàng. Tăng cường dịch vụ phải đi kèm với tăng cường chất lượng. Chỉ có chất lượng mới tạo được lòng tin từ khách hàng. Hơn thế nữa Công ty có thể xây dựng được một hệ thống khách hàng thường xuyên, nằm trong chiến lược phát triển bền vững.



Hiện tại Đội tàu của Công ty gồm 13 tàu chở hàng khô với tổng trọng tải khoảng 189.730 DWT. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực vận tải Đội tàu thông qua hình thức đóng tàu mới, mua tàu đã qua sử dụng; tập trung vào đầu tư Đội tàu chở hàng rời, hàng bách hóa; tiếp tục thực hiện chiến lược trẻ hóa Đội tàu thông qua việc bán những tàu già, cũ, hiệu quả khai thác kém.

Bên cạnh việc đẩy mạnh đầu tư Đội tàu hàng rời, theo chủ trương của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam là phát triển đa dạng các loại tàu, trong thời gian tới Công ty cũng sẽ xem xét việc phát triển các loại tàu hàng khác như tàu Container, tàu hàng lỏng, tàu chuyên dụng... tại thời điểm xét thấy có hiệu quả nhất.

Bảng 1: Bảng kê đội tàu của Công ty

STT	Tên con tàu	Năm đóng/Nơi đóng	Trọng tải (DWT)	Độ mớn nước (m)	Năm đưa vào sử dụng
1	Tàu Bình Phước	1989/Nhật Bản	7.054	6,39	2001
2	Tàu Hà Nam	1985/Nhật Bản	6.500	6,9	2000
3	Tàu Hà Tiên	1986/Nhật Bản	7.018	7,42	2001
4	Tàu Mỹ An	1994/Nhật Bản	8.294	7,32	2003
5	Tàu Mỹ Hưng	2003/Việt Nam	6.500	6,9	2003
6	Tàu Mỹ Thịnh	1990/Nhật Bản	14.348	7,939	2004
7	Tàu Mỹ Vượng	1989/Nhật Bản	14.339	7,939	2004
8	Tàu Vinaship Ocean	1986/Nhật Bản	12.367	8,306	2007
9	Tàu Vinaship Diamond	1996/Nhật Bản	24.034	9,553	2009
10	Tàu Vinaship Gold	2008/Việt Nam	13.245	8,35	2008
11	Tàu Vinaship Pearl	1996/Nhật Bản	24.241	9,548	2009
12	Tàu Vinaship Sea	1998/Nhật Bản	27.841	9,65	2010
13	Tàu Vinaship Star	1996/Nhật Bản	23.949	9,42	2011



Đầu tư xây dựng cơ bản:

Ngoài việc tập trung phát triển đội tàu để tăng năng lực cạnh tranh, Công ty sẽ xúc tiến để triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nhằm thúc đẩy các hoạt động dịch vụ tăng lên trong thời gian tới.

Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thông tin

Hiện tại các phòng ban trong toàn Công ty đã được trang bị đầy đủ công nghệ thông tin. Trong năm 2009 Công ty đã thực hiện kết nối lại đường mạng nội bộ đồng thời sử dụng đường truyền FTTH tốc độ cao, kết nối và trao đổi thông tin giữa các khu vực và trung tâm. Về phần mềm, Công ty cũng đã từng bước đầu tư các phân hệ phần mềm quản trị doanh nghiệp do các nhà cung cấp trong nước sản xuất phục vụ cho các bộ phận chuyên môn như Tài chính kế toán, Nhân sự và Quản lý khai thác Đội tàu nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp.

Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với phương châm là luôn đi tiên phong trong việc cung cấp dịch vụ có chất lượng cao cho khách hàng, VINASHIP liên tục tìm kiếm các sản phẩm vận tải mới nhằm tăng tính cạnh tranh. Ngoài hoạt động vận tải biển, Công ty tổ chức kinh doanh các ngành nghề khác như đại lý vận tải nội địa, môi giới hàng hải, xếp dỡ, kiểm đếm hàng hóa và phục vụ vận chuyển Container tại bãi, dịch vụ cung ứng nước ngọt cho tàu tại cảng, đại lý tàu biển, sửa chữa nhỏ tàu biển, cho thuê bãi và kho Container, cho thuê thuyền viên. Những dịch vụ này trước mắt chủ yếu phục vụ Đội tàu Công ty nhằm tạo việc làm và doanh thu cho Công ty. Trong tương lai Công ty sẽ mở rộng và phát triển các hoạt động trên để từng bước hình thành mô hình vận tải khép kín vận tải biển, vận tải bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hóa.

6. CÁC RỦI RO

➤ Rủi ro về kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam và thế giới trong những năm qua phải đối mặt với những khó khăn lớn từ cuộc khủng hoảng tài chính. Điều này đã ảnh hưởng xấu tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp vận tải biển nói riêng. Nhu cầu vận tải hàng hóa sụt giảm đã kéo giá cước vận tải giảm mạnh kể từ năm 2008. Thêm vào đó, giá nguyên liệu đầu vào là xăng, dầu lại tăng mạnh cũng khiến biên lợi nhuận gộp của các doanh nghiệp vận tải biển liên tục sụt giảm.



Do sử dụng nợ vay cao, nợ vay ngoại tệ, nên chi phí tài chính của các doanh nghiệp vận tải biển đều tăng dưới tác động của tỷ giá và lãi suất. Khoản chi phí này đã tạo nên áp lực lớn cho lợi nhuận ròng, nên hầu hết các doanh nghiệp trong ngành đều ghi nhận mức lợi nhuận thấp.

Bên cạnh đó, tình trạng ứ đọng hàng hóa và áp lực cạnh tranh cũng là một khó khăn lớn của các doanh nghiệp. Năm 2012 cũng là năm bắt đầu xuất hiện hiện tượng tồn đọng hàng hóa tại một số khu vực trên thế giới, khiến lĩnh vực này thêm u ám. Khó khăn của các tuyến đường vận tải quốc tế tiếp tục gặp khó khăn trong năm và những năm tiếp theo bởi hàng loạt yếu tố không thuận lợi.

Đó là cuộc khủng hoảng nợ châu Âu vẫn chưa có tín hiệu kết thúc, các nền kinh tế khác vẫn trong tình trạng tăng trưởng chậm, mức tăng trưởng đang chậm lại của kinh tế Trung Quốc...

Chính vì vậy, tình trạng cung vượt cầu của thị trường thế giới dự báo vẫn còn kéo dài đến hết năm 2013. Theo đó, các tuyến vận tải của Việt Nam đi quốc tế dự báo vẫn chưa thể hồi phục trong năm nay. Diễn biến nghịch chiều của giá cước và giá đầu vào dự kiến vẫn tiếp diễn trong năm.

Các chỉ số thuê tàu vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục, chỉ số thuê tàu hàng khô Batic (BDI Index) vẫn ở mức thấp từ đầu năm đến nay. Trong khi đó, giá cước khó có thể điều chỉnh tăng mạnh do nhu cầu vẫn còn thấp, nguồn cung vượt cầu.

Cùng với đó, giá xăng dầu tiếp tục được điều chỉnh tăng, khấu hao lớn từ các tàu mới sẽ khiến lợi nhuận gộp của các doanh nghiệp vận tải biển tiếp tục bị thu hẹp. Kéo theo là áp lực từ các khoản nợ vay dài hạn gần đến hạn trả.

Đối với Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship, nhận thức rõ yếu tố rủi ro trên, trong thời gian qua, Công ty luôn theo dõi sát sao diễn biến kinh tế thế giới và Việt Nam, đồng thời, Công ty cũng có chính sách phòng ngừa rủi ro, phân tích đánh giá tình hình. Nhờ vậy, Công ty đã hạn chế được tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng và có thể tận dụng tốt cơ hội khi nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi.

➤ **Rủi ro về luật pháp**

Là Công ty cổ phần nên hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này hiện còn trong quá trình hoàn thiện, do vậy sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra có thể ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty. Hơn nữa, hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của pháp luật về hàng hải, môi trường, bảo hiểm ... cùng các quy định



của các nước sở tại và công ước quốc tế do vậy, rủi ro pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty là thường trực và rất đa dạng.

Nhận thức rõ vấn đề này, Công ty luôn chú trọng quan tâm tới việc cập nhật pháp luật không chỉ của Việt Nam mà còn của các nước mà Vinaship có quan hệ kinh tế. Công ty thường xuyên có kế hoạch tập huấn, cập nhật kiến thức cho tập thể cán bộ công nhân viên Công ty về các quy định của pháp luật cũng như ý thức chấp hành pháp luật.

➤ **Rủi ro đặc thù**

Rủi ro biến động giá nhiên liệu

Do đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải, nhiên liệu có tỷ trọng rất lớn trong chi phí hoạt động của Công ty, đặc biệt là xăng, dầu. Chi phí nhiên liệu chiếm từ 20 – 35% trong giá vốn của Công ty. Do vậy, sự biến động của giá nhiên liệu sẽ ảnh hưởng rất lớn tới kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro từ các quy định mới về vận tải trên thế giới

Hoạt động vận tải của Vinaship phải tuân thủ các công ước quốc tế, các quy định của Tổ chức hàng hải thế giới (IMO) như Solas, ISM code và Bộ luật an ninh cảng biển và tàu biển quốc tế (ISPS) có hiệu lực từ 1/7/2004. Trong các quy định về an ninh, an toàn hàng hải có nhiều thay đổi với yêu cầu ngày càng ngặt nghèo hơn, đòi hỏi các chủ tàu phải tăng cường đầu tư trang thiết bị, đào tạo sỹ quan, thuyền viên đã làm tăng chi phí hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, các quy định này lại góp phần nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ của Công ty.

Rủi ro tỷ giá

Trong hoạt động của Công ty, nhiều giao dịch sử dụng đồng ngoại tệ làm phương tiện thanh toán, chủ yếu là đồng USD và nguồn thu chủ yếu của Công ty cũng là ngoại tệ. Do vậy, sự biến động của tỷ giá sẽ ảnh hưởng không lớn tới doanh thu, chi phí và lợi nhuận của Công ty.

Rủi ro cạnh tranh

Việt Nam là quốc gia có đường bờ biển dài. Trong chiến lược phát triển kinh tế của mình, Chính phủ Việt Nam khuyến khích phát triển kinh tế biển. Do đó, tất yếu dẫn đến hoạt động đầu tư cảng biển và thành lập các doanh nghiệp vận tải biển. Hiện nay, ngoài Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam còn có nhiều tập đoàn và doanh nghiệp khác có tham gia kinh doanh ngành vận tải biển. Các doanh nghiệp này cũng cạnh tranh quyết liệt với Vinaship. Bên cạnh đó, Công ty cũng phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp vận tải biển quốc tế có ưu thế về công nghệ, thương hiệu và quy mô.



➤ **Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro trên, trong quá trình hoạt động của Công ty còn có thể gặp phải những rủi ro như rủi ro về cháy nổ, rủi ro cướp biển, rủi ro thiên tai... Những rủi ro này nếu xảy ra có thể gây những tổn thất to lớn cho Công ty. Để hạn chế những rủi ro này, Công ty đã và đang thực hiện mua bảo hiểm thường xuyên cho đội tàu và các hoạt động hàng hải liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời liên tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi Bộ luật quốc tế về quản lý an toàn hàng hải (ISM code) phòng ngừa các rủi ro có thể xảy ra.

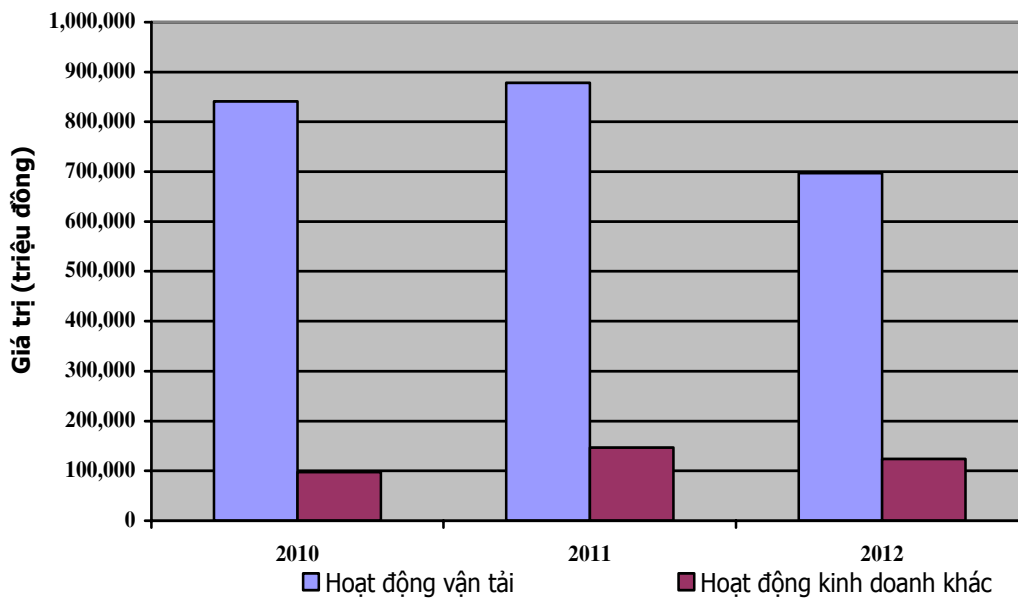
PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

➤ **Giá trị dịch vụ qua các năm**

Bảng 2: Giá trị sản phẩm, dịch vụ qua các năm

Sản phẩm	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng trên tổng giá trị dịch vụ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng trên tổng giá trị dịch vụ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng trên tổng giá trị dịch vụ (%)
1. Hoạt động vận tải	840.915	89,64	878.570	85,73	697.214	84,93
2. Hoạt động kinh doanh khác	97.235	10,36	146.207	14,27	123.685	15,07
2.1. Dịch vụ hàng container	63.549	6,77	105.108	10,25	92.095	11,22
2.2. Dịch vụ khác	33.686	3,59	41.099	4,02	31.590	3,85
Tổng cộng	938.150	100	1.024.777	100	820.899	100



Biểu đồ 1: Tỷ trọng doanh thu của Công ty qua các năm

Trong năm 2012, ngành vận tải biển thế giới nói chung và vận tải biển Việt Nam nói riêng gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính kéo dài. Qua số liệu thống kê về doanh thu của Vinaship giai đoạn từ 2010 đến nay có thể thấy, doanh thu trong lĩnh vực vận tải biển và tỷ trọng doanh thu của hoạt động vận tải biển trong tổng doanh thu của Công ty năm 2012 là thấp nhất trong vòng 3 năm qua, do những khó khăn chung của ngành vận tải biển, hàng hoá khan hiếm, mặt bằng giá cước thấp, giá nhiên liệu cao và ổn định.

➤ **Nguồn nguyên vật liệu**

Dầu nhiên liệu và dầu Diesel là những nguyên liệu chính yếu Công ty sử dụng cho các phương tiện vận tải trong hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải. Nguồn cung ứng các nguyên liệu là các công ty xăng dầu trong nước. Nhìn chung lượng cung cấp nhiên liệu xăng dầu rất ổn định về số lượng và giá cả xăng dầu được thực hiện theo quy định nhà nước. Theo ước tính của Vinaship thì chi phí nhiên liệu chiếm khoảng từ 35% - 40% trong giá thành vận chuyển. Do vậy, khi giá xăng dầu có biến động, sẽ ảnh hưởng lớn tới chi phí kinh doanh và giá thành vận chuyển của Công ty.

Các yếu tố đầu vào khác như sửa chữa tàu biển, cung ứng vật tư, thiết bị hàng hải thường do các xưởng sửa chữa tàu biển chuyên nghiệp, các hãng cung ứng thiết bị, các nhà kinh doanh vật tư hàng hải trong và ngoài nước cung cấp. Nhìn chung, ngoài trừ các vật tư quý



hiếm phải đặt trực tiếp từ các nhà chế tạo nước ngoài, số còn lại đều có thể tìm kiếm trên thị trường trong nước.

➤ **Chi phí sản xuất**

Nhận thức rõ, giá nguyên liệu có ảnh hưởng lớn tới giá cước vận tải từ đó ảnh hưởng tới doanh thu, lợi nhuận của Công ty, Vinaship đã áp dụng những biện pháp kinh tế và kỹ thuật nhằm quản lý chi phí nguyên liệu một cách hợp lý, tiết kiệm. Cụ thể, Công ty xây dựng định mức tiêu hao phù hợp hơn cho từng tàu, thực hiện kiểm tra kiểm soát chặt chẽ quy trình cung ứng và sử dụng nhiên liệu trên từng phương tiện so sánh và lựa chọn nguồn cung ứng nguyên liệu trong nước hoặc nước ngoài tùy từng thời kỳ sao cho giá nguyên, nhiên liệu là thấp nhất. Công ty luôn cập nhật thông tin về giá xăng dầu trong khu vực và trên thế giới cũng như các nước mà Công ty có tuyến vận tải. Khi các nước có giá nhiên liệu thấp hơn Việt Nam, tàu sẽ được nạp nhiên liệu tại cảng nước đó khi cập bến và ngược lại. Nhờ những biện pháp tích cực từ phía Công ty trong việc kiểm soát chặt chẽ tác động của biến động giá dầu lên hoạt động kinh doanh, tỷ trọng chi phí nguyên, nhiên vật liệu của Công ty trong giá thành vẫn ở mức độ phù hợp.

Bảng 3: Cơ cấu các khoản mục chi phí của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Giá vốn hàng bán	799.686	85,29	884.580	86,07	763.138	92,96
Chi phí tài chính	92.615	9,87	129.945	12,64	61.281	7,47
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>56.535</i>	<i>6,03</i>	<i>68.533</i>	<i>6,67</i>	<i>63.636</i>	<i>7,75</i>
Chi phí bán hàng	20.716	2,21	22.167	2,16	21.395	2,61
Chi phí quản lý	28.305	3,02	31.656	3,08	28.169	3,43
Chi phí khác	2.775	0,30	15.915	1,55	2.693	0,33
Tổng chi phí	944.097	100,63	1.084.263	105,80	876.676	106,8
Doanh thu thuần	938.149	100	1.024.777	100	820.899	100

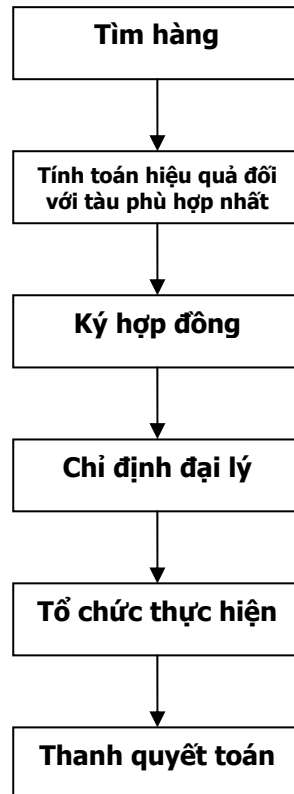
➤ **Trình độ công nghệ**

Quy trình cung cấp dịch vụ



Nhằm cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty thực hiện chuẩn hoá quy trình cung cấp dịch vụ đối với các loại hình dịch vụ của mình.

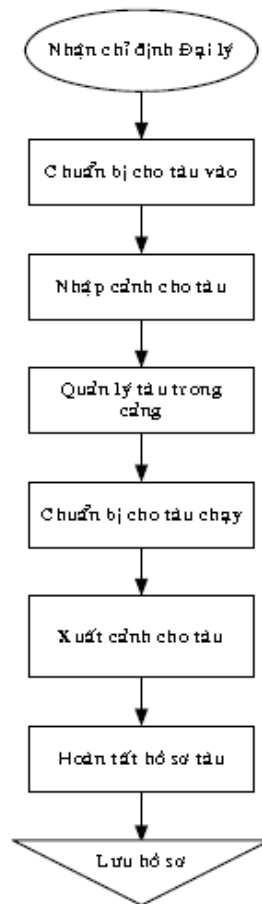
Quy trình Vận tải biển



Diễn giải:

Trong khai thác tàu, sau khi xác định được nguồn hàng, cần căn cứ vào các yêu cầu về hàng hóa, tuyến hoạt động, phương tiện dự kiến tham gia vận tải, thuyền viên ... để tính toán hiệu quả, xác định lợi nhuận theo phương án khai thác. Việc bố trí tàu cũng cần được thực hiện hợp lý đảm bảo các yêu cầu về quy phạm đăng kiểm và công ước quốc tế liên quan, đồng thời đảm bảo phù hợp với các yêu cầu của hợp đồng về chất lượng phương tiện (thường là tuổi tàu), trọng tải, mớn nước, thuyền viên ... Việc thanh quyết toán được tiến hành căn cứ vào quy định trong hợp đồng vận tải và tuân thủ thông lệ quốc tế. Thông thường chủ tàu có quyền lưu giữ hàng hóa cho đến khi Người thuê tàu thanh toán đầy đủ cước theo quy định.

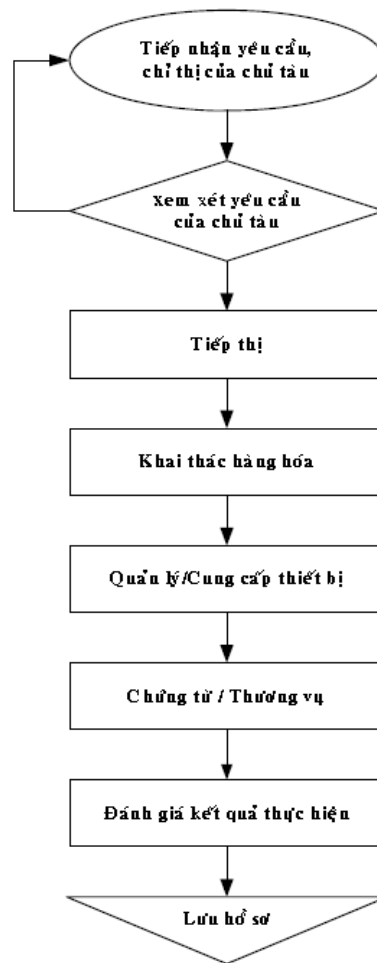
Quy trình Đại lý tàu biển:



Diễn giải:

Đại lý tàu biển có nhiệm vụ nhận các yêu cầu của chủ tàu nước ngoài về gom hàng, giao hàng và dàn xếp các công việc phục vụ tàu tại cảng trong thời gian tàu ở Việt Nam (làm thủ tục cho tàu ra vào cảng, xin hoa tiêu, xếp dỡ hàng hoá .v.v.). Đại lý tàu biển được chuyển hàng tại kho, đóng gói hàng, lưu kho, đăng ký hãng tàu (booking), làm thủ tục hải quan, vận chuyển hàng hoá và các công việc khác để giao hàng tại địa điểm nhận theo yêu cầu.

Quy trình Đại lý vận tải Container:



Diễn giải:

Đại lý vận tải Container là loại hình dịch vụ đặc biệt nằm trong hệ thống vận tải Container toàn cầu và khu vực. Đại lý được các công ty vận tải nước ngoài chỉ định làm công việc điều hành hoạt động khai thác vận tải Container, phục vụ các nhà xuất nhập khẩu bằng các tàu trở Container chạy theo lịch trình và tuyến định trước. Đại lý vận tải Container nhận sự uỷ thác của hãng tàu để thu xếp nhận hàng (Booking), tìm hàng, quản lý phương tiện Container, thu xếp tàu chạy nhánh (feeder), tiến hành thủ tục thanh toán với chủ hàng . v.v.

➤ Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với phương châm là luôn đi tiên phong trong việc cung cấp dịch vụ có chất lượng cao cho khách hàng, Vinaship liên tục tìm kiếm các sản phẩm vận tải mới nhằm tăng tính cạnh tranh. Ngoài hoạt động vận tải biển, Công ty tổ chức kinh doanh các ngành nghề khác như đại lý vận tải nội địa, môi giới hàng hải, xếp dỡ, kiểm đếm hàng hóa và phục vụ vận chuyển Container tại bãi, dịch vụ cung ứng nước ngọt cho tàu tại cảng, đại lý tàu biển, sửa chữa nhỏ tàu biển, cho thuê bãi và kho Container, cho thuê thuyền viên. Những dịch vụ này trước mắt chủ yếu phục vụ Đội tàu Công ty nhằm tạo việc làm và doanh thu cho Công ty. Trong tương lai Công ty sẽ mở rộng và phát triển các hoạt động trên để từng bước hình thành mô hình vận tải khép kín vận tải biển, vận tải bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hóa.



➤ **Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Hiện tại, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn các Bộ luật an toàn hàng hải và an ninh tàu, bến cảng đối với toàn bộ các loại hình dịch vụ mà Công ty đang cung cấp. Việc quản lý chất lượng của Công ty do Ban An toàn đảm trách.

Chính sách chất lượng của Vinaship luôn luôn là cung ứng các dịch vụ với chất lượng cao nhất nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Công ty luôn đặt vấn đề chất lượng lên hàng đầu, đồng thời tuân thủ mọi quy định của Nhà nước.

Để đạt được những điều này, Công ty cam kết:

- Giữ liên hệ chặt chẽ với khách hàng nhằm đảm bảo sản phẩm dịch vụ của mình luôn thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của họ.
- Xem con người là tài sản quan trọng nhất do đó thường xuyên giáo dục, đào tạo để mọi cán bộ, nhân viên trong Công ty có tinh thần tập thể, có kỹ năng cần thiết nhằm không ngừng cải tiến và hoàn thiện về chất lượng công việc của mình.
- Duy trì hệ thống chất lượng luôn phù hợp và có hiệu quả, phát triển sự hợp tác của mọi thành viên trong Công ty đảm bảo tuân thủ mọi yêu cầu của tiêu chuẩn các Bộ luật an toàn hàng hải và an ninh tàu, bến cảng.
- Công ty đề cao vấn đề chất lượng dịch vụ và sản phẩm, coi đó là trọng tâm hàng đầu. Vì thế, Công ty đã đề ra các biện pháp cũng như trang bị các thiết bị hiện đại ứng dụng những công nghệ quản lý tiên tiến nhằm đảm bảo các cam kết với khách hàng về chất lượng dịch vụ theo đúng các tiêu chuẩn quy định trong lĩnh vực vận chuyển giao nhận.
- Công ty cũng tổ chức các lớp học đào tạo và đào tạo lại cho các Sĩ quan thuyền viên do các chuyên gia trong và ngoài nước tập huấn, đồng thời cử các kỹ sư, cán bộ trẻ đi học và tập huấn nước ngoài để nâng cao trình độ quản lý, công tác.

➤ **Hoạt động marketing**

Cùng với công tác quản lý chất lượng, Vinaship cũng hết sức quan tâm đến hoạt động Marketing, đặc biệt khi Vinaship là một doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề. Thực hiện tốt chính sách Marketing góp phần nâng cao vị thế và thương hiệu của Công ty, phân phối các sản phẩm và dịch vụ tới khách hàng một cách tốt nhất, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Vinaship. Nhận thức được điều đó, gần đây, Vinaship cũng quan tâm tới việc xây dựng và quảng bá thương hiệu. Ngoài ra, mỗi phòng ban nghiệp vụ và chi nhánh của Công ty đều có bộ phận Marketing để chăm sóc khách hàng, tiếp cận tìm kiếm khách hàng mới và khách hàng có tiềm năng bằng uy tín chất lượng dịch vụ của Công ty. Các Trưởng, Phó phòng ban có trách nhiệm đề ra phương hướng, kế hoạch Marketing, đồng thời kiểm tra giám sát việc thực hiện. Công việc chính của bộ phận Marketing là chào bán dịch vụ và nghiên cứu phát triển thị trường. Bao gồm:



❖ *Xác định khách hàng*

- Thực hiện nghiên cứu thị trường, giá cả, xác định tuyến vận tải mạnh, yếu của Công ty.
- Khai thác và tập hợp thông tin về các nhà xuất nhập khẩu để thực hiện khai thác.
- Thường xuyên liên lạc, thăm hỏi khách hàng, khắc phục các điểm chưa phù hợp để phục vụ khách hàng tốt hơn.

❖ *Gặp gỡ khách hàng để xác định những yêu cầu về dịch vụ:*

- Dàn xếp những cuộc tiếp xúc với khách hàng để tìm ra những yêu cầu của họ về dịch vụ như: cước phí, thời gian vận chuyển, cảng đến và những yêu cầu đặc biệt của khách hàng cũng như về chứng từ.
- Xem lại các yêu cầu của khách hàng có phù hợp với chính sách cung cấp dịch vụ của Công ty hay không và chuẩn bị những đề xuất chào bán dịch vụ bao gồm thông tin về nơi nhận hàng, cảng đích, điều khoản mua bán, cước phí, các phụ phí, ngày có hiệu lực, loại hình vận chuyển, tuyến đường, thời gian vận chuyển.

❖ *Chào giá*

- Đàm phán với khách hàng dựa trên tình hình thực tế thị trường, đồng thời luôn xem xét đến yếu tố hợp tác lâu dài đối với khách hàng truyền thống.

❖ *Chính sách cung cấp dịch vụ của Công ty:*

- Khách hàng là nhân tố quan trọng nhất quyết định sự thành công trong kinh doanh của Công ty.
- Không ngừng thỏa mãn yêu cầu của khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ với giá cạnh tranh bằng cách:
 - Thao tác nghiệp vụ nhanh chóng, chính xác và an toàn.
 - Làm đúng ngay từ đầu.
 - Giao hàng đúng hẹn.
 - Đối với khách hàng là nhà sản xuất (Chủ hàng): tiếp cận, theo dõi, khuyến khích dựa trên chính sách của các hãng tàu.
 - Đối với khách hàng là các hãng tàu: bám sát khâu nước ngoài và dành nhiều chính sách ưu đãi.

➤ **Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền**

Từ khi xuất hiện trên thị trường, thương hiệu Vinaship đã tạo được lòng tin đối với khách hàng và là một thương hiệu có uy tín trên thị trường.



Mẫu nhãn hiệu:



Bộ nhãn hiệu của công ty được đăng ký và bảo vệ theo Quyết định số 17715/QĐ-SHTT ngày 18/8/2009. Thời hạn bảo hộ nhãn hiệu: 10 năm kể từ ngày nộp đơn (30/5/2008)

Các dấu hiệu nhận dạng thương hiệu:

- Màu sắc nhãn hiệu: Xanh lam, trắng, đen
- Loại nhãn hiệu: Thông thường
- Nội dung khác: Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng

Danh mục các sản phẩm, dịch vụ được mang nhãn hiệu của Công ty:

- Nhóm 35: Mua bán công ten nơ, dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ tuyển dụng và xuất khẩu lao động, đại lý mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa
- Nhóm 36: Dịch vụ khai thuê hải quan, dịch vụ cho thuê văn phòng
- Nhóm 37: Dịch vụ sửa chữa tàu biển
- Nhóm 39: Dịch vụ vận tải biển, đại lý tàu biển; dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ bảo quản và lưu giữ hàng hóa, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ cho thuê kho bãi

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

➤ Danh sách Ban điều hành

Ban Giám đốc điều hành hiện nay của Công ty gồm có bốn (04) thành viên, đứng đầu là Tổng giám đốc, giúp việc Tổng giám đốc có các Phó tổng giám đốc. Ban giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Thành viên Ban điều hành Công ty

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
TGD	Cao Minh Tuấn	25/7/1963	023414257
Phó TGD	Mai Xuân Ngoạt	30/12/1957	030767200



Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
Phó TGD	Nguyễn Quang Duy	05/6/1963	030633647
Phó TGD	Vương Ngọc Sơn	23/7/1961	031288529

- Tóm tắt lý lịch thành viên Ban điều hành

- **Ông Cao Minh Tuấn**

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 25/7/1963
 Nơi sinh: Hà Nội
 Chứng minh nhân dân: 023414257 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 5E, Nguyễn Đình Chiểu, Đakao, Hồ Chí Minh.
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển.
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1986 – 1992	Công ty Vận tải biển III	Quản trị tàu biển
8/1992 – 5/1997	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ điều động tại Thành phố Hồ Chí Minh
6/1997 – 6/1999	Công ty Vận tải biển III – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Phó Giám đốc Chi nhánh
7/1999 – 12/2005	Công ty Vận tải biển III – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Giám đốc Chi nhánh
1/2006 – 12/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó Tổng Giám đốc
1/2007 – 05/2009	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Tổng Giám đốc kiêm ủy viên HĐQT
5/2009 – nay	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải



Số cổ phần sở hữu cá nhân : 121.900 cổ phần
 Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 2.200.000 cổ phần (11% Vốn điều lệ)
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không
 Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Lê Thị Thanh Hưng	Vợ	50.600	0,253
2	Cao Thị Hải Đường	Em	3.000	0,015

Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
 - **Ông Mai Xuân Ngoạt**
 Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 30/12/1957
 Nơi sinh: Thanh Hóa
 Chứng minh nhân dân: 030767200 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 35, Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1/1985 – 7/1994	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ Phòng kinh doanh
8/1994 – 11/1996	Công ty Vận tải biển III – Chi nhánh Quảng Ninh	Phó Giám đốc Chi nhánh
12/1996 – 10/1998	Công ty Vận tải biển III – Xí nghiệp Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách	Phó Giám đốc Xí nghiệp
11/1998 – 5/2001	Công ty Vận tải biển III	Trưởng Ban quản lý cải tạo nâng cấp mặt bằng khu nhà ga hành khách tàu biển Chũ Vẽ



<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
5/2001 – 6/2002	Công ty Vận tải biển III – Xí nghiệp Dịch vụ vận tải	Giám đốc Xí nghiệp
6/2002 – 6/2004	Công ty Vận tải biển III	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Kinh doanh
6/2004 – 7/2006	Công ty Vận tải biển III	Trưởng phòng Kinh doanh
2007 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT, Giám đốc Xí nghiệp Xếp dỡ vận tải và dịch vụ

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 78.100 cổ phần

Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 1.800.000 cổ phần

Những người có liên quan: Không

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Mai Quốc Huy	Con	5.000	0,025

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

- Ông Vương Ngọc Sơn

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 23/7/1961

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 031288529 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 9/24 Lê Quỳnh, Phường Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển



Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1986-1996	Công ty Vận tải biển III	Quản trị tàu biển
1997	Công ty Vận tải biển III	Học nghiệp vụ
1998 – 2006	Công ty Vận tải biển III	Trưởng phòng kế toán, kế toán trưởng
2007 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng phòng kế toán, kế toán trưởng, ủy viên HĐQT

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 21.900 cổ phần

Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 1.800.000 cổ phần

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Vợ	3.100	0,0155
2	Vương Minh Hải	Em	1.300	0,0065

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

- Ông Nguyễn Quang Duy

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 05/6/1963

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 030633647 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 7/200, Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy tàu thủy



Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
7/1987 – 2/1989	Xí nghiệp liên doanh dầu khí Việt Xô	Thợ máy dưới tàu
3/1989 – 6/1996	Công ty Vận tải biển III	Thợ máy
7/1996 – 11/2003	Công ty Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	Sỹ quan máy
12/2003 – 1/2006	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ kỹ thuật tại phòng Khoa học kỹ thuật
1/2006 – 12/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó trưởng phòng Khoa học kỹ thuật
1/2007 – 6/2009	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó trưởng phòng Vật tư
6/2009 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không
 Số cổ phần sở hữu cá nhân : 5.600 cổ phần
 Số cổ phần đại diện: 1.800.000 cổ phần

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trần Thị Hương Duyên	Vợ	11.000	0,06

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

➤ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

❖ Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của Công ty nên VINASHIP luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến ngày 31/12/2012, số lượng cán bộ nhân viên chính thức của Công ty là 967 người



Bảng 4 : Bảng kê tình hình lao động Công ty tại thời điểm 31/12/2012

Đơn vị tính : Người

Yếu tố	31/12/2011	31/12/2012
• Số lượng nhân viên	987	967
• Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	10.198.493	8.141.000
Phân theo trình độ chuyên môn		
• Đại học và Trên đại học	360	350
• Cao đẳng, Trung cấp, PTTH, Sơ cấp	627	617
Phân theo thời hạn hợp đồng		
• LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ(GĐ, PGĐ, KTT,CT Cđoàn)	-	-
• Hợp đồng không xác định thời hạn	306	302
• Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm	612	587
• Lao động hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	69	78

✦ Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

- Chính sách đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ tại các đơn vị. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.
- Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học cả trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước... Những cán bộ công nhân viên được cử đi học được Công ty thanh toán chi phí học tập và được hưởng lương theo kết quả học tập



- Chính sách lương

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Đơn giá tiền lương được xác định dựa vào Tổng quỹ lương (theo quy định của Nhà nước về thang bảng lương, số lượng lao động, mức tối thiểu) và doanh số. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng nhất để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.

- Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc. Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

- Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty có chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc; quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ tết, cụ thể:

- Các chế độ chống nóng, chống độc hại cho công nhân, lao động phải làm việc trong điều kiện độc hại;
- Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên vào các ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, cưới hỏi, ngày lễ tết (Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, 30/4, ngày Quốc tế Lao động 1/5, Quốc khánh 2/9)
- Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên trong Công ty tham gia lực lượng vũ trang nhân ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam 22/12
- Tổ chức cho các cán bộ công nhân viên đi nghỉ mát, du lịch hàng năm
- Tổ chức vui chơi và tặng quà cho các cháu là con của cán bộ công nhân viên trong Công ty nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, Rằm Trung thu



- Tặng quà cho các cháu đạt thành tích cao trong học tập

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

➤ Tình hình đầu tư

❖ Đầu tư phương tiện năm 2012

- Đầu tư tàu

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về xem xét, đánh giá lại chương trình tiếp nhận, đóng mới 20 tàu từ Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, Công ty đã dừng việc đóng mới 02 tàu 17.500 DWT và giãn thời gian đóng mới tàu 34.000 DWT tới năm 2015.

- Bán tàu già cũ, khai thác không hiệu quả

Ngay từ đầu năm, Công ty đã tích cực triển khai chào bán các tàu già trên 25 tuổi, khai thác không hiệu quả (Hà Nam, Hà Tiên, Hà Đông, Bình Phước). Tuy nhiên do thị trường không thuận lợi, công ty chỉ bán thành công 01 tàu (Hà Đông), đem lại lợi nhuận khoảng 23 tỷ đồng, góp phần đáng kể vào việc giảm số lỗ của Công ty.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tình hình tài chính

Bảng 5: Tình hình tài chính Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.392.014.152.205	1.311.007.512.189	94,18%
Doanh thu thuần	1.024.777.413.701	820.899.220.251	80,11%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(38.890.489.142)	(50.862.796.644)	130,78%
Lợi nhuận khác	74.691.175.034	22.571.535.370	30,22%
Lợi nhuận trước thuế	35.800.685.892	(28.291.261.274)	-79,02%
Lợi nhuận sau thuế	32.342.062.604	(28.291.261.274)	-87,48%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1.617	(1.415)	-87,51%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu



Bảng 6: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,44	0,36	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ – Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,28	0,22	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,75	0,76	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,04	3,16	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	13,57	16,25	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,74	0,63	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	-0,03	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,09	-0,09	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	-0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,04	-0,06	



5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

➤ Cổ phần

Mã chứng khoán:	VNA
Tổng số cổ phần đang lưu hành:	20.000.000 cổ phần
Tổng số cổ phần niêm yết:	20.000.000 cổ phần
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	20.000.000 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phần

➤ Các dữ liệu thống kê về cổ đông

❖ Cổ đông trong nước

- Cơ cấu cổ đông

STT	Danh mục	Tại ngày 12/9/2011		Tại ngày 18/5/2012	
		Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức	13.306.990	66,53	11.033.560	55,17
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	11.268.340	56,34	10.200.000	51
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	2.038.650	10,19	833.560	4,17
2	Cổ đông cá nhân	6.719.590	33,60	8.790.430	43,95

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn

Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ trọng (%)
1. Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Số 1, Đào Duy Anh, Hà Nội	0106000600	10.200.000	51

❖ Cổ đông nước ngoài

- Cơ cấu cổ đông



STT	Danh mục	Tại ngày 12/9/2011		Tại ngày 18/5/2012	
		Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức	190.660	0,95	108.650	0,54
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0	0	0
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	190.660	0,95	108.650	0,54
2	Cổ đông cá nhân	26.580	0,13	67.360	0,34

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn: Không có

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp

Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000	0	0	200.000.000.000

PHẦN III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

➤ **Những thuận lợi, khó khăn**

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012 của Công ty gặp một số thuận lợi và khó khăn cụ thể như sau:

❖ **Thuận lợi**

- Đội tàu của Công ty đã được cải thiện về chất lượng, tuổi tàu trẻ hơn và trọng tải lớn hơn nên có thể khai thác trên vùng biển quốc tế không hạn chế.

- Nguồn lao động là sỹ quan thuyền viên đã bớt căng thẳng, Công ty có điều kiện để lựa chọn các lao động có năng lực, chuyên môn tốt hơn bố trí trên các con tàu.

- Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao từ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thông qua những người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp.

❖ **Khó khăn**

Khó khăn khách quan

- Trong năm 2012, vận tải biển thế giới nói chung và vận tải biển Việt Nam nói riêng gặp rất nhiều khó khăn. Các doanh nghiệp vận tải biển tiếp tục chịu ảnh hưởng lớn từ suy thoái toàn cầu, từ căng thẳng chính trị ở Bắc Phi, Trung Đông. Giá cước vận tải biển suy giảm



nghiêm trọng. Chỉ số giá cước tàu hàng khô vào ngày 03/2/2012 là 647, mức thấp nhất kể từ 8/1986 và hiện tại BDI cũng chỉ dao động ở mức 700 – 800 điểm. Tại thị trường công ty khai thác truyền thống là Đông Nam Á, mặt hàng gạo xuất khẩu từ Việt Nam khối lượng bị suy giảm mạnh. Bên cạnh đó, thời gian làm thủ tục nhập khẩu, thanh toán kéo dài đã làm tăng thời gian tàu phải chờ đợi, phát sinh chi phí cho đội tàu. Nguồn hàng hóa khan hiếm dẫn tới mặt bằng giá cước thấp, các doanh nghiệp vận tải tiếp tục phải chấp nhận thực tế là mức cước hiện đang thấp hơn giá thành vận chuyển.

- Trong năm 2012, Chính phủ thực hiện việc điều hành chính sách kinh tế trong nước theo hướng tiết giảm chi tiêu nhằm kiềm chế lạm phát dẫn tới việc thắt chặt cung tiền tệ, tăng lãi suất làm ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh cũng như khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Công ty tiếp tục phải chịu áp lực do khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn từ ngân hàng và lãi suất vay tiếp tục duy trì ở mức rất cao.

- Chi phí phụ tùng vật tư, nguyên nhiên vật liệu đều biến động tăng, đặc biệt là chi phí nhiên liệu. Mặc dù Công ty vẫn bố trí một số tàu cho thuê định hạn nhưng chi phí nhiên liệu tiêu thụ bình quân toàn bộ đội tàu vẫn ở mức cao, điều này đã ảnh hưởng rất nhiều tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2012.

Khó khăn chủ quan

- Năng lực, kỹ thuật thuyền viên chưa cao, chưa tuân thủ quy trình về bảo quản, bảo dưỡng và vận hành dẫn tới một số vụ hư hỏng đối với trang thiết bị, các sự cố không chỉ phát sinh chi phí vật tư thay thế mà còn ảnh hưởng tới ngày tàu vận doanh do tàu bị off hire.

- Đội tàu năm 2012 gồm 14 chiếc với tổng trọng tải là 196.000 DWT, trong đó có 4 tàu (chiếm trên 15% tổng trọng tải) trên 25 tuổi, tuổi tàu bình quân hiện là 19 tuổi, trọng tải bình quân 14.800 DWT. Thực trạng đội tàu già và trọng tải nhỏ làm phát sinh các chi phí sửa chữa, khai thác, bảo hiểm, chi phí quản lý .. và hạn chế khả năng cạnh tranh.

- Thị trường dịch vụ vận tải gặp khó khăn vì biến động theo thị trường vận tải và ngành sản xuất, quy mô dịch vụ vận tải còn nhỏ nên có khó khăn về cạnh tranh và mở rộng sản xuất.

➤ **Các giải pháp đã áp dụng**

❖ **Khai thác**

Công ty đã áp dụng linh hoạt hình thức cho thuê định hạn kết hợp với khai thác chuyển để có được mức cước tốt cũng như giảm được áp lực về vốn lưu động, giảm chi phí lãi vay, tập trung khai thác các nguồn hàng có mức cước cao để tăng doanh thu đồng thời tiếp tục duy trì thị phần hàng hóa truyền thống. Bên cạnh đó, Công ty cũng làm tốt công tác phục vụ đội tàu tại các đầu bến, có nhiều biện pháp linh hoạt rút ngắn thời gian xếp dỡ, thời gian quay vòng



chuyển đi, nhằm tăng doanh thu, hiệu quả cho đội tàu.

❖ **Quản lý**

Công ty luôn ý thức tuân thủ chức trách thuyền viên, giám sát giao nhận hàng hóa để giảm thiểu lượng thiếu hụt hàng hóa, duy trì và tăng cường công tác bảo quản, bảo dưỡng để giảm chi phí sửa chữa, ngăn ngừa tổn thất. Trong điều kiện kinh doanh khó khăn và giá nhiên liệu tăng cao như hiện nay, cùng với việc tăng cường công tác giám sát nhận nhiên liệu, vật tư tại các đầu bến, Công ty sẽ cử cán bộ kỹ thuật đi theo tàu để rà soát lại định mức tiêu thụ nhiên liệu, vật tư và cải thiện tình trạng kỹ thuật, tốc độ các tàu. Công ty cũng thường xuyên cập nhật, theo dõi thị trường nhiên liệu, vật tư ... để có phương án cấp phát linh hoạt nhằm giảm chi phí mua sắm.

Công ty cũng ý thức được trong điều kiện khó khăn chung hiện nay, các tranh chấp liên quan đến giao nhận hàng hóa, chất lượng hàng hóa vận chuyển, chất lượng vật tư, nhiên liệu cung ứng, cước vận tải ... là rất dễ xảy ra. Công ty đã có những biện pháp quản lý sát sao nhằm hạn chế các rủi ro có thể phát sinh, cụ thể: nâng cao trình độ và sự cẩn thận của cán bộ thương vụ; nâng cao trình độ, ý thức thuyền viên; có các điều khoản chặt chẽ hơn để ràng buộc trách nhiệm các nhà cung cấp; mua bảo hiểm cước ...

Với tình trạng cướp biển đang có xu hướng gia tăng, Công ty cũng có các biện pháp quản lý an toàn, an ninh đảm bảo an toàn đối với thuyền viên và tàu khi hoạt động trên các tuyến tiềm ẩn nhiều rủi ro.

❖ **Dịch vụ**

Công ty sẽ đẩy mạnh hoạt động khai thác hàng hóa, hoạt động đại lý, dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi và hàng container. Đồng thời áp dụng các biện pháp quản lý chi phí, thu hồi công nợ để tăng hiệu quả.

❖ **Công tác nhân sự, thuyền viên**

Công ty chủ trương xây dựng đội ngũ thuyền viên ổn định về số lượng, đảm bảo về chất lượng và có kế hoạch từng bước nâng cao chất lượng thuyền viên, đặc biệt là các sỹ quan quản lý bằng các chương trình cập nhật, huấn luyện sát với thực tiễn sản xuất và yêu cầu khách hàng cũng như yêu cầu của các Bộ luật quản lý an toàn chất lượng và an ninh. Nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, sự tuân thủ quy định của các Bộ Luật, Công ước và nội quy của Công ty để vận hành con tàu một cách an toàn và hiệu quả.

❖ **Chính sách với người lao động**

Công ty tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.



➤ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

❖ **Các chỉ tiêu sản xuất chính**

Do những khó khăn chung của nền kinh tế thế giới nói chung và ngành vận tải biển nói riêng, giá cước đang thấp hơn giá thành vận tải dẫn tới thua lỗ, thậm chí phá sản của nhiều doanh nghiệp trong nước và thế giới. Dù HĐQT, Ban điều hành Công ty đã có nhiều biện pháp quản trị, điều hành sát sao và có hiệu quả nhưng cũng chỉ có thể giảm được con số lỗ tới mức thấp nhất và giữ doanh nghiệp ổn định. Các chỉ tiêu SXKD chính cụ thể như sau:

Bảng 7: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2012 thông qua tại ĐHĐCĐ	Tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch
1	Sản lượng vận tải	tấn	2.136.000	2.200.000	94,9%
2	Tổng doanh thu	đồng	870.000.000.000	890.000.000.000	97,8%
	+ Vận tải	-	700.000.000.000	760.000.000.000	92,1%
	+ Dịch vụ	-	147.000.000.000	130.000.000.000	113,1%
	+ Doanh thu khác	-	23.000.000.000	-	-
3	Lợi nhuận trước thuế	-	-28.000.000.000	-	-
4	Nộp ngân sách	-	33.000.000.000		100%
5	Đầu tư	tàu	Bán 01 tàu, hủy KH đóng mới 02 tàu 17.500 DWT theo chương trình của Chính Phủ	Đóng mới 01 tàu 34.000 DWT và 02 tàu 17.500 DWT, bán 3 – 4 tàu già cũ	100%

❖ **Hoạt động dịch vụ**

Hoạt động dịch vụ tại 02 Xí nghiệp (Xí nghiệp Xếp dỡ - Vận tải và Dịch vụ; Xí nghiệp Dịch vụ - Vận tải) Và Ban Quản lý và khai thác bãi container có gặp khó khăn chung nhưng hoạt động vẫn tương đối hiệu quả, công nợ được thu hồi tốt. Hiệu quả kinh doanh khối dịch vụ năm 2012 đạt khoảng 3.500.000.000 đồng đã góp phần vào việc giảm số lỗ của Công ty.

❖ **Hoạt động đầu tư**

Theo chỉ đạo của Chính Phủ và Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về xem xét, đánh giá lại chương trình tiếp nhận, đóng mới 20 tàu từ Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, Công ty đã dừng việc đóng mới 02 tàu 17.500 DWT và giãn thời gian đóng mới tàu 34.000 DWT tới năm 2015.



Ngay từ đầu năm, Công ty đã tích cực triển khai chào bán các tàu già trên 25 tuổi, khai thác không hiệu quả (Hà Nam, Hà Tiên, Hà Đông, Bình Phước). Tuy nhiên do thị trường không thuận lợi, Công ty chỉ bán thành công 01 tàu – tàu Hà Đông, đem lại lợi nhuận khoảng 23 tỷ đồng, góp phần đáng kể vào việc giảm số lỗ của Công ty.

❖ Tình hình tài chính

Mặc dù Công ty trong tình trạng thiếu vốn lưu động tuy nhiên vẫn đảm bảo thanh toán kịp thời các chi phí đến hạn, đặc biệt ưu tiên thanh toán chi phí nhiên liệu, vật tư phục vụ cho hoạt động sản xuất được duy trì ổn định. Trong năm 2012, Công ty vẫn đảm bảo các khoản thanh toán vay đầu tư và lãi vay

❖ Công tác tiền lương

Trong tình trạng khó khăn chung của doanh nghiệp vận tải biển, Công ty vẫn cố gắng đảm bảo thanh toán lương cho người lao động.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Bảng 8: Một số chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012
<i>1. Bố trí cơ cấu tài sản</i>	Lần		
+ Tài sản cố định/Tổng tài sản		0,87	0,89
+ Tài sản lưu động/Tổng tài sản		0,13	0,09
<i>2. Khả năng thanh toán</i>	Lần		
+ Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản (Khả năng thanh toán hiện hành)		0,75	0,76
+ <u>Tài sản lưu động – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn (Khả năng thanh toán nhanh)		0,28	0,22
+ Khả năng thanh toán bằng tiền Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn		0,06	0,03
<i>3. Tỷ suất lợi nhuận</i>	%		



+ Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		3,16	-3,45
+ Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		2,32	-2,16
+ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ		16,17	-14,15

3. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2013

Bước vào thực hiện kế hoạch năm 2013, dự báo các doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn do sự sụt giảm tốc độ tăng trưởng của kinh tế toàn cầu, đặc biệt là khủng hoảng tài chính của các trung tâm kinh tế lớn như Mỹ, EU và sự suy giảm tăng trưởng của các quốc gia lớn như Nhật Bản, Trung Quốc, cùng với làn sóng khủng hoảng nợ công tại các nước châu Âu chưa có dấu hiệu tích cực sẽ kéo theo hoạt động sản xuất kinh doanh đình trệ. Bên cạnh đó, những bất ổn chính trị tại Trung Đông sẽ làm cho giá nhiên liệu tăng bất thường. Ngoài ra, một số lượng tàu đóng mới đang tiếp tục tham gia thị trường càng làm cho cung và cầu mất cân đối dẫn tới giá cước vận tải tiếp tục duy trì ở mức thấp như mặt bằng hiện tại.

Đó là các nguyên nhân khách quan. Còn trong nước, các doanh nghiệp vận tải biển còn tiếp tục bị hứng chịu sự đình trệ của các ngành sản xuất, việc thắt chặt tín dụng, căng thẳng do mặt bằng lãi suất cho vay quá cao, sự biến động tăng của đồng đô la Mỹ ..., các chi phí đầu vào như lao động, vật tư, nguyên nhiên liệu tăng cao cùng với chính sách ưu đãi của chính phủ (giảm khấu hao) không còn trong năm 2013 khiến ngành vận tải biển bị đánh giá thậm chí sẽ còn khó khăn hơn so với năm 2012.

➤ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013

Trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn trong năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã xây dựng kế hoạch với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Tổng trọng tải: 1800.000 DWT/ 11 – 13 chiếc
- Sản lượng: 2.000.000 tấn
- Doanh thu: 750.000.000.000 đồng

Trong đó: + Doanh thu vận tải: 620.000.000.000 đồng

+ Doanh thu khác: 130.000.000.000 đồng

- Lợi nhuận trước thuế: cố gắng cân bằng thu chi
- Đầu tư

+ Bán 02 – 03 tàu già, trọng tải nhỏ (Hà Nam, Hà Tiên, Bình Phước)



PHẦN IV: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2012

➤ Tình hình kinh tế thế giới và trong nước

Năm 2012 được coi là một trong những năm kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn. Cuộc khủng hoảng nợ công ở châu Âu tiếp tục sa lầy mà lối thoát thì chưa thực sự rõ ràng, kinh tế Mỹ, Nhật Bản đều không mấy khả quan. Các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil... đều không còn giữ được phong độ tăng trưởng lạc quan như khoảng 3 – 5 năm trước.

Nhìn chung là tăng trưởng kinh tế chậm lại, thất nghiệp tăng cao, sức mua hạn chế, nợ công nhiều hơn. Đã có một số chuyên gia cao cấp ở một số lĩnh vực đưa ra dự báo về kinh tế thế giới năm 2013 và đều nhận định là không mấy khả quan so với năm 2012, thậm chí còn có một số dự báo cho rằng khủng hoảng kinh tế thế giới sẽ lên tới đỉnh điểm vào năm 2013.

Dự báo của Quỹ tiền tệ quốc tế thì cho rằng tăng trưởng kinh tế của Mỹ và Nhật Bản thấp hơn năm 2012 còn đối với Trung Quốc và các nước ASEAN thì chỉ tăng cao hơn một chút. Quan hệ về đầu tư và xuất nhập khẩu của các nước với Việt Nam về cơ bản chưa có gì khởi sắc.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới chưa có nhiều chuyển biến khả quan, còn tiềm ẩn yếu tố rủi ro và được dự báo tiếp tục có những biến động khó lường, nền kinh tế Việt Nam đã và sẽ còn chịu tác động tiêu cực. Xu hướng suy giảm tốc độ tăng trưởng, tình trạng lạm phát cao, thâm hụt thương mại và thâm hụt ngân sách nặng nề kéo dài đã nhiều năm và vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại. Hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiếp tục bị áp lực do lãi suất vay và huy động vốn cao, mức tiêu thụ sản phẩm đạt thấp.

➤ Tình hình ngành vận tải biển

Ngành vận tải biển Việt Nam đã phát triển với tốc độ quá nhanh trong những năm qua cả về số lượng tàu, trọng tải tàu và cả về các doanh nghiệp quản lý khai thác vận tải biển, nhưng lại manh mún và phân tán. Sự phát triển quá nóng và phân tán này đã và đang làm cho vận tải biển Việt Nam phải đối mặt với nhiều thách thức. Đó là sự dư thừa trọng tải tàu đối với các tàu có trọng tải nhỏ chở hàng khô rời kể cả các tàu chở container trong khi lại thiếu các loại tàu chuyên dùng và tàu có trọng tải lớn. Hàng hóa ít, tàu nhỏ nhiều, các chủ tàu cạnh tranh nhau bằng cách giảm giá cước, chấp nhận cho thanh toán chậm ... , việc này đã khiến cho các doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam ngày càng khó khăn thêm, luôn bị các chủ hàng o ép. Ngoài ra, các chủ tàu Việt Nam luôn trong tình trạng khát vốn nghiêm trọng và gặp khó khăn trong việc tìm nguồn nhân lực có năng lực thực sự và có tâm huyết với Ngành, với nghề, kể cả nguồn nhân lực làm công tác quản lý khai thác tàu trong các doanh nghiệp và cả sỹ quan thuyền viên làm việc trên tàu. Một thách thức không nhỏ nữa mà các chủ tàu Việt Nam đang phải đối mặt



đó là hàng loạt các công ước quốc tế về hàng hải đã và sẽ có hiệu lực trong tương lai gần như các Phụ lục 3/4/5/6 Công ước MARPOL 73/78; Công ước kiểm soát hệ thống sơn chống hà độc hại 2001 (AFS 2001); Công ước kiểm soát và quản lý nước dẫn và cặn nước dẫn ballast của tàu năm 2004 (BWM 2004); Công ước Lao động hàng hải 2006 (MLC 2006)... Điều này đòi hỏi các chủ tàu phải tăng cường duy tu bảo dưỡng tàu, đầu tư trang thiết bị bổ sung nhằm đáp ứng các yêu cầu của các công ước, dù Việt Nam tham gia hay chưa tham gia các công ước này bởi: tàu của bất kỳ quốc gia nào khi vào cảng của quốc gia đã phê chuẩn công ước đều phải tuân thủ đầy đủ các quy định của công ước.

➤ Đánh giá hoạt động của Công ty trong năm 2012

Trước tình hình kinh tế thế giới và trong nước diễn biến hết sức phức tạp, nguồn hàng hóa chuyên chở trở nên khan hiếm, giá cước liên tục sụt giảm, giá nguyên nhiên liệu không ổn định cùng với sự cạnh tranh của rất nhiều các công ty vận tải biển khác trong nước, trong khu vực và trên thế giới, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2012 vừa qua gặp rất nhiều khó khăn.

Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị Công ty đã tập trung chỉ đạo quyết liệt và nỗ lực phấn đấu để đảm bảo nguồn hàng cho đội tàu, tiết giảm chi phí tối đa để giảm lỗ tới mức thấp nhất và giữ doanh nghiệp ổn định:

- Tổng doanh thu: 820.899.220.251
- Lợi nhuận trước thuế: (28.291.261.274)
- Bán 01 tàu trọng tải 6.700 DWT
- Bảo đảm được mức lương của CBCNV và thuyền viên theo mặt bằng chung của ngành.

Bảng 8 : Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2012

Tài sản (đồng)			Nguồn vốn (đồng)		
Chỉ tiêu	31/12/2012	01/01/2012	Chỉ tiêu	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản ngắn hạn	120.448.082.630	175.757.070.217	Nợ phải trả	996.106.735.172	1.047.411.505.001
Tài sản dài hạn	1.190.559.429.559	1.216.257.081.988	Vốn CSH	314.900.777.017	344.602.647.204
Tổng cộng	1.311.007.512.189	1.392.014.152.205	Tổng cộng	1.311.007.512.189	1.392.014.152.205



2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2012

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị giao quyền cho Ban Tổng giám đốc quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát Ban giám đốc thông qua hệ thống các báo cáo tổng hợp, chi tiết và các kỳ họp Hội đồng quản trị đột xuất. Kết thúc năm 2011, Hội đồng quản trị đánh giá Ban giám đốc về cơ bản đã thực hiện với nỗ lực và quyết tâm cao các Nghị quyết và quyết định do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.

3. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2013

➤ Triển vọng và kế hoạch trong thời gian tới

Sau 5 năm vật lộn với cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái trầm trọng nhất từ trước đến nay, nền kinh tế thế giới bắt đầu le lói phục hồi, mặc dù chưa thật vững chắc do Mỹ và các nước khu vực euro tiếp tục phải đối mặt với khó khăn tài chính. Nhiều nhà đầu tư và phân tích tài chính cho rằng, kinh tế thế giới năm 2012 đã chạm đáy và sẽ phục hồi mạnh từ nửa cuối năm 2013, chủ yếu bắt nguồn từ các chỉ số kinh tế vĩ mô tươi sáng tại Mỹ, nổi bật là tỉ lệ thất nghiệp trong tháng 11 đã giảm xuống 7,7%, mặc dù còn cao hơn con số 6,5% vào thời điểm trước khi xảy ra khủng hoảng tài chính năm 2008. Đáng chú ý, mục tiêu giảm tỉ lệ thất nghiệp xuống 6,0-6,5% vào cuối năm 2015 do NHTW Mỹ đưa ra cũng tạo tâm lý phấn khích cho các nhà đầu tư. Đây là tín hiệu tích cực, góp phần giảm nhẹ tâm trạng lo âu của các nhà đầu tư. Theo báo cáo do Fed đưa ra tại cuộc họp trong 2 ngày 10-11/12, kinh tế Mỹ dự báo sẽ tăng 1,5% trong năm nay, trước khi tăng 2,3-3% vào năm 2013. Theo đánh giá của cơ quan thống kê châu Âu (Eurostat) đưa ra ngày 06/12/2012, kinh tế khu vực euro năm 2012 suy giảm 0,4%, nhưng sẽ tăng 0,1% trong năm 2013; số liệu tương ứng tại 27 nước thành viên EU là -0,3% và 0,4%.

Bên cạnh triển vọng khả quan, kinh tế thế giới vẫn chứa đựng nhiều rủi ro, đòi hỏi các nước phải đẩy mạnh cải cách, nếu không kinh tế toàn cầu có thể sẽ rơi vào suy thoái và năm 2013 chỉ tăng 2%.

Bước sang năm 2013, nền kinh tế Việt Nam đang đứng trước những thách thức và cơ hội đan xen. Các khó khăn như sức mua giảm, hàng tồn kho, nợ xấu tăng, lãi suất cao, doanh nghiệp thiếu vốn... sẽ được cải thiện hơn so với năm 2012. Đây cũng là thời kỳ mở ra cơ hội cho những doanh nghiệp nắm bắt cơ hội để tái cơ cấu và phát triển bền vững, thị trường sẽ lành mạnh hơn...



Tuy nhiên, trong năm tới, Chính phủ vẫn xác định ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng hợp lý gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sự cạnh tranh của nền kinh tế. Chúng ta phải kiên quyết đi theo định hướng đã đề ra thì kinh tế mới có thể hồi phục và khởi sắc.

Trước hoàn cảnh có nhiều khó khăn của nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành vận tải biển nói riêng trong năm 2013, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty thấy rằng việc tiết giảm chi phí, chống lãng phí, chống thất thoát, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng suất lao động ... để nâng cao năng lực cạnh tranh là yếu tố sống còn của một doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh hiện nay

➤ **Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2013**

- Tiếp tục nâng cao chất lượng trong công tác quản lý giám sát;
- Triển khai có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012;
- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2013 đạt hiệu quả;
- Năm bắt kịp thời tình hình phát triển kinh tế trong nước và quốc tế, những chính sách vĩ mô của Nhà nước và Chính phủ để điều chỉnh, bổ sung kịp thời cho công tác quản lý điều hành, hạn chế những rủi ro cho Công ty;
- Quan tâm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cổ đông, quyền lợi và thu nhập của người lao động trong Công ty;
- Tổ chức các phiên họp định kỳ để phân tích các báo cáo, giải quyết kiến nghị của Ban giám đốc, thảo luận thông qua các phương án, dự án và các chính sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Thảo luận các phương án, kế hoạch, chiến lược phát triển trong thời gian tới của Công ty;
- Nghiên cứu phương án đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng và hiệu quả điều hành nhằm đạt được kết quả kinh doanh cao nhất.



PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị Công ty gồm bảy (07) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

- Trong năm 2011, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 04 phiên họp để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, xem xét và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai các dự án đầu tư ...

- Thành phần Hội đồng quản trị

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
Chủ tịch	Đỗ Văn Hội	06/02/1954	030840161
Phó Chủ tịch	Cao Minh Tuấn	25/7/1963	023414257
Ủy viên	Mai Xuân Ngoạt	30/12/1957	030767200
Ủy viên	Vương Ngọc Sơn	23/7/1961	031288529
Ủy viên	Phạm Văn Toàn	20/6/1961	030640587
Ủy viên	Dương Ngọc Tú	20/10/1976	031065889

▪ Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị

1) Ông Đỗ Văn Hội

Chức vụ hiện tại:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	06/02/1954
Nơi sinh:	Hải Phòng
Chứng minh nhân dân:	030840161 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	132/165 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư khai thác tàu thủy



Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
12/1979 – 8/1984	Lữ đoàn 171 Bộ Tư lệnh Hải quân	Bộ đội Hải quân, Thiếu úy, Trung úy
9/1984 – 1/1998	Công ty Vận tải biển III	Thợ máy
2/1998 – 6/1999	Công ty Vận tải biển III	Trưởng phòng Khoa học kỹ thuật
7/1999 – 12/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó Tổng Giám đốc
1/2007 – 5/2009	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Tổng Giám đốc
5/2009 – nay	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Chủ tịch HĐQT

Các chức vụ tại các tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải
 Số cổ phần sở hữu cá nhân : 32.500 cổ phần
 Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 2.600.000 cổ phần (13% Vốn điều lệ)
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không
 Những người có liên quan: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2) Ông Cao Minh Tuấn

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 25/7/1963
 Nơi sinh: Hà Nội
 Chứng minh nhân dân: 023414257 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 5E, Nguyễn Đình Chiểu, Đakao, Hồ Chí Minh.
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển.
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1986 – 1992	Công ty Vận tải biển III	Quản trị tàu biển



<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
8/1992 – 5/1997	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ điều động tại Thành phố Hồ Chí Minh
6/1997 – 6/1999	Công ty Vận tải biển III – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Phó Giám đốc Chi nhánh
7/1999 – 12/2005	Công ty Vận tải biển III – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Giám đốc Chi nhánh
1/2006 – 12/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó Tổng Giám đốc
1/2007 – 05/2009	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Tổng Giám đốc kiêm ủy viên HĐQT
5/2009 – nay	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải
 Số cổ phần sở hữu cá nhân : 121.900 cổ phần
 Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 2.200.000 cổ phần (11% Vốn điều lệ)
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Lê Thị Thanh Hưng	Vợ	50.600	0,253
2	Cao Thị Hải Đường	Em	3.000	0,015

Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

3) Ông Mai Xuân Ngoạt

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 30/12/1957
 Nơi sinh: Thanh Hóa
 Chứng minh nhân dân: 030767200 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
 Dân tộc: Kinh



Địa chỉ thường trú: 35, Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác::

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1/1985 – 7/1994	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ Phòng kinh doanh
8/1994 – 11/1996	Công ty Vận tải biển III – Chi nhánh Quảng Ninh	Phó Giám đốc Chi nhánh
12/1996 – 10/1998	Công ty Vận tải biển III – Xí nghiệp Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách	Phó Giám đốc Xí nghiệp
11/1998 – 5/2001	Công ty Vận tải biển III	Trưởng Ban quản lý cải tạo nâng cấp mặt bằng khu nhà ga hành khách tàu biển Chũ Vẽ
5/2001 – 6/2002	Công ty Vận tải biển III – Xí nghiệp Dịch vụ vận tải	Giám đốc Xí nghiệp
6/2002 – 6/2004	Công ty Vận tải biển III	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Kinh doanh
6/2004 – 7/2006	Công ty Vận tải biển III	Trưởng phòng Kinh doanh
2007 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc XN Xếp dỡ vận tải và dịch vụ

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 78.100 cổ phần

Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 1.800.000 cổ phần (9% Vốn điều lệ)

Những người có liên quan: Không

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ(%)
1	Mai Quốc Huy	Con	5.000	0,025



Những khoản nợ đối với Công ty: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

4) Ông Nguyễn Quang Duy

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 05/6/1963
 Nơi sinh: Hải Phòng
 Chứng minh nhân dân: 030633647 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Số 7/200, Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy tàu thủy
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
7/1987 – 2/1989	Xí nghiệp liên doanh dầu khí Việt Xô	Thợ máy dưới tàu
3/1989 – 6/1996	Công ty Vận tải biển III	Thợ máy
7/1996 – 11/2003	Công ty Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	Sỹ quan máy
12/2003 – 1/2006	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ kỹ thuật tại phòng Khoa học kỹ thuật
1/2006 – 12/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó trưởng phòng Khoa học kỹ thuật
1/2007 – 6/2009	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó trưởng phòng Vật tư
6/2009 – 2011	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Tổng Giám đốc
2012 - nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không
 Số cổ phần sở hữu cá nhân : 5.600 cổ phần
 Số cổ phần đại diện: 1.800.000 cổ phần (9% Vốn điều lệ)
 Những người có liên quan:



STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trần Thị Hương Duyên	Vợ	11.000	0,06

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

5) Ông Vương Ngọc Sơn

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 23/7/1961

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 031288529 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 9/24 Lê Quýnh, Phường Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1986-1996	Công ty Vận tải biển III	Quản trị tàu biển
1997	Công ty Vận tải biển III	Học nghiệp vụ
1998 – 2006	Công ty Vận tải biển III	Trưởng phòng kế toán, kế toán trưởng
2007 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng kế toán, kế toán trưởng

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 21.900 cổ phần

Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 1.800.000 cổ phần (9% Vốn điều lệ)

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
-----	------------------------------	-------------	--------------------	-------



				(%)
1	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Vợ	3.100	0,0155
2	Vương Minh Hải	Em	1.300	0,0065

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

6) Ông Phạm Văn Toàn

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, trưởng phòng TCCB-LĐ

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 20/6/1961

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 030640587 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 5/2 Lương Văn Can, Ngô Quyền, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư lái tàu biển

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
3/1986 – 8/1987	Công ty vận tải biển III	Thủy thủ tàu biển
1988 - 1997	Công ty vận tải biển III	Sỹ quan boong
1997 – 3/2010	Công ty vận tải biển III	Thuyền trưởng
3/2010 – 2012	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng phòng TCCB – LĐ
2012 - nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng TCCB – LĐ

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 35.000 cổ phần

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần

Những người có liên quan: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

**7) Ông Dương Ngọc Tú**

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, trưởng phòng Đầu tư – Đối ngoại,
Trưởng Ban quản lý và khai thác Bãi container

Ngày sinh: 20/10/1976

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 031065889 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 74/261 Trần Nguyên Hãn, Nghĩa Xá, quận Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
8/1999 -6/ 2006	Công ty vận tải biển III	Cán bộ
7/2006 – 12/2006	Công ty vận tải biển III	Phó phòng Kinh doanh
1/2007 – 2008	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó phòng phụ trách p.Đầu tư – phát triển đội tàu
2008 – 2012	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng phòng Đầu tư – Đối ngoại
2012 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên HĐQT, Trưởng p.Đầu tư đối ngoại, Trưởng Ban quản lý và Khai thác Bãi container

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 12.000 cổ phần

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trần Thu Hằng	Vợ	6.730	0,034

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không



Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

➤ **Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2012**

Năm 2012 là năm đầy khó khăn và thách thức đối với Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship, trước những diễn biến không thuận lợi của tình hình kinh tế trong và ngoài nước, với mục tiêu chiến lược đã được xác định, với vai trò hết sức quan trọng là đại diện cho cổ đông VINASHIP, Hội đồng quản trị Công ty đã cố gắng nỗ lực vượt lên những khó khăn, thách thức với một quyết tâm cao độ nhằm giữ ổn định và phát triển được doanh nghiệp.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012, Hội đồng quản trị VINASHIP đã tổ chức nghiêm túc họp định kỳ đánh giá tình hình theo Quý và Ban hành các Nghị quyết cụ thể để định hướng Ban điều hành triển khai quyết liệt mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- Bám sát các chỉ tiêu Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 thông qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị để theo dõi chặt chẽ các hoạt động của Công ty, vạch ra phương án, kế hoạch và giao cho Ban điều hành thực hiện triển khai
- Trong năm 2012 đã tổ chức tổng cộng 07 phiên họp định kỳ và bất thường để xem xét và giải quyết các công việc chính như sau:
 - Phân tích các báo cáo tình hình hoạt động của Công ty hàng tháng, hàng quý và tổng kết năm đưa ra các giải pháp, quyết sách tháo gỡ khó khăn cho thời gian tiếp theo.
 - Thông qua chương trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012.
 - Phê duyệt dự án bán tàu Hà Đông
 - Thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
 - Thông qua đơn giá tiền lương năm 2012
 - Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012 do Ban điều hành đề xuất trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Đề ra các phương án, biện pháp tiết kiệm chi phí quản lý, sửa chữa đội tàu.

Trong tất cả các phiên họp đều có sự tham dự của các thành viên Ban kiểm soát. Các quyết định về chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh thông qua tại các phiên họp hoặc qua thư tín đều nhận được sự nhất trí của các thành viên tham dự cuộc họp. Các nghị quyết thông qua



đều được Hội đồng quản trị ủy nhiệm cho Ban điều hành thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị.

➤ **Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc**

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban giám đốc tổng hợp báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng và hàng quý; tổ chức các phiên họp định kỳ (hàng quý) để tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh, phân tích thị trường và lập kế hoạch cho quý tiếp theo và tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết các vấn đề phát sinh; theo dõi và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí.

Về cơ bản các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã được Ban giám đốc triển khai với nỗ lực và quyết tâm cao.

2. BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát họp thường kỳ mỗi quý để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của Công ty.

- Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
Trưởng ban	Tô Hanh	5/12/1954	030878030
Thành viên	Đình Huy Dũng	16/9/1960	031510165
Thành viên	Trần Thị Kim Lan	22/10/1962	030168425

- Tóm tắt lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

1) Ông Tô Hanh

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát, Phó phòng Kinh doanh
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 05/12/1954
Nơi sinh: Vĩnh Phúc
Chứng minh nhân dân: 030878030 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Số 10/44, Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển



Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
4/1979 – 1/1986	Công ty Vận tải đường sông 204 Hà Nội	Cán bộ điều động
2/1986 – 10/1989	Tổng Cục đường biển	Cán bộ đối ngoại
11/1989 – 6/1994	Công ty Vận tải biển III	Quản trị
7/1994 – 1/2001	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ Phòng Kinh doanh
1/2001 – 12/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó phòng Kinh doanh
1/2007 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng ban kiểm soát, Phó phòng Kinh doanh

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 13.300 cổ phần
Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Vũ Thị Trúc	Vợ	10.000	0,05

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2) Ông Đinh Huy Dũng

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Ban Kiểm soát, Phó phòng Tổ chức cán bộ - Lao động

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 16/9/1960

Nơi sinh: Hải Dương

Chứng minh nhân dân: 031510165 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 4/14/87, Nguyễn Công Trứ, Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:



<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
6/1989 – 01/2001	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ
02/2001 – 12/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó phòng Tổ chức cán bộ - Lao động
01/2007 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó phòng Tổ chức cán bộ - Lao động

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 11.400 cổ phần
Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần
Những người có liên quan: Không
Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

3) Bà Trần Thị Kim Lan

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Ban Kiểm soát
Giới tính: Nữ
Ngày sinh: 22/01/1962
Nơi sinh: Hải Phòng
Chứng minh nhân dân: 030168425 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Số 1, Khu tập thể Cảng 2, Lê Lợi, phường Máy Tơ, Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải sông
Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1985 – 1997	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ thương vụ Phòng Kinh doanh
4/1997 – 5/2001	Công ty Vận tải biển III	Phó phòng Tài chính Kế toán
5/2001 – nay	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	Trưởng phòng Kế toán



<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
2007 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên Ban kiểm soát
5/2008 – nay	Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải	Ủy viên HĐQT

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 10.000 cổ phần

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần

Những người có liên quan: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

➤ **Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty**

▪ Trong năm 2011, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình, quá trình hoạt động của Ban kiểm soát luôn tuân thủ đúng Điều lệ, quy chế quản lý của Công ty.

▪ Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị.

▪ Ban kiểm soát đã thực hiện việc kiểm soát các hoạt động và việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người quản lý khác trong hệ thống quản lý điều hành Công ty.

▪ Ban kiểm soát thực hiện soát xét, kiểm tra và thẩm định Báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. KẾ HOẠCH TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY

▪ Duy trì Công bố thông tin đúng quy định, tăng cường thông tin hai chiều và minh bạch với nhà đầu tư.

▪ Xây dựng cơ cấu quản lý Công ty gọn nhẹ và hiệu quả.

▪ Thường xuyên trao đổi với Ban Kiểm soát về mọi vấn đề trong tổ chức và hoạt động của Công ty.

▪ Thường xuyên cải tiến chính sách ưu đãi với cán bộ công nhân viên nhằm tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả hoạt động và doanh thu cho Công ty.



4. TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NĂM 2012

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 18/6/2012 và Biên bản họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty, năm 2010 Công ty đã thực hiện chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là: 348.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi tám triệu đồng*), trong đó :

- Tổng tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị là : 300.000.000 đ
- Tổng tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát là : 48.000.000 đ
- Trích quỹ HĐQT năm 2012 là : 0

5. TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VÀ NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ (TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2012)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2012		Năm 2011	
			Số cp	Tỷ trọng	Số cp	Tỷ trọng
Hội đồng quản trị						
1	Đỗ Văn Hội	Chủ tịch	32.500	0,16%	32.500	0,16%
2	Cao Minh Tuấn	P.Chủ tịch	121.900	0,61%	121.900	0,61%
3	Mai Xuân Ngoạt	Ủy viên	78.100	0,39%	78.100	0,39%
4	Nguyễn Quang Duy	Ủy viên	5.600	0,03%		
5	Vương Ngọc Sơn	Ủy viên	21.900	0,11%	21.900	0,11%
6	Phạm Văn Toàn	Ủy viên	35.000	0,18%		
7	Dương Ngọc Tú	Ủy viên	5.080	0,03%	35.100	0,18%
Ban giám đốc						
1	Cao Minh Tuấn	Tổng GD	121.900	0,61%	121.900	0,61%
2	Mai Xuân Ngoạt	P.Tổng GD	78.100	0,39%	78.100	0,39%
3	Nguyễn Quang Duy	P.Tổng GD	5.600	0,03%	5.600	0,03%
4	Vương Ngọc Sơn	Ủy viên	21.900	0,11%	21.900	0,11%
Ban Kiểm soát						



1	Tô Hanh	Trưởng ban	13.300	0,07%	13.300	0,07%
2	Đình Huy Dũng	Ủy viên	11.400	0,06%	11.400	0,06%
3	Trần Thị Kim Lan	Ủy viên	10.000	0,05%	8.970	0,045%

6. THÔNG TIN VỀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI LIÊN QUAN ĐẾN CỔ ĐÔNG NỘI BỘ : Không có

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán
Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84-4 38241990/1
Fax: +84-4 38253973
Website: www.aasc.com.vn

- Ý kiến kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Công ty TNHH Deloitte Việt Nam phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp trên chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban giám đốc Công ty cp Vận tải biển Vinaship cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính và tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến sau:

" Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Bên cạnh đó, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính những vấn đề sau:



1. Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện trích khấu hao theo Công văn số 148/BTC-TCND của Bộ Tài chính ngày 03/04/2012 về việc hướng dẫn Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thực hiện cơ chế hỗ trợ. Chi tiết việc thay đổi mức khấu hao của đội tàu biển được trình bày tại Thuyết minh số 2 – "Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định" và Thuyết minh số 8 – "Tài sản cố định hữu hình" phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

2. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã lập Báo cáo tài chính dựa trên giả định hoạt động liên tục. Cơ sở lập Báo cáo tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 1 – "Khả năng hoạt động liên tục" phần Thuyết minh báo cáo tài chính."

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

2. Kiểm toán nội bộ: không có

3. Báo cáo tài chính (kèm theo)

**CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- UBCKNN
- SGDCK tp.HCM
- Lưu ...

Cao Minh Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
VINASHIP**

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
đã được kiểm toán**



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

A member of **HLB** International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04-05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	06-38
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06-08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-38

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 09 tháng 04 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty: Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Văn Hội	Chủ tịch	
Ông Cao Minh Tuấn	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Văn Toàn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18/06/2012
Ông Dương Ngọc Tú	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18/06/2012
Ông Nguyễn Quang Duy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18/06/2012
Ông Lã Đức Trọng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 18/06/2012
Ông Đoàn Văn Minh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 18/06/2012
Ông Mai Xuân Ngoạt	Ủy viên	
Ông Vương Ngọc Sơn	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Cao Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/08/2012
Ông Mai Xuân Ngoạt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Tô Hanh	Trưởng ban
Ông Đinh Huy Dũng	Thành viên
Bà Trần Thị Kim Lan	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Cao Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 06 tháng 02 năm 2013



Số: 109 /2013/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship được lập ngày 06 tháng 02 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Bên cạnh đó, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính những vấn đề sau:

1. Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện trích khấu hao theo Công văn số 148/BTC-TCND của Bộ Tài chính ngày 03/04/2012 về việc hướng dẫn Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thực hiện cơ chế hỗ trợ. Chi tiết việc thay đổi mức khấu hao của đội tàu biển được trình bày tại Thuyết minh số 2 - "Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định" và Thuyết minh số 8 - "Tài sản cố định hữu hình" phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

2. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã lập Báo cáo tài chính dựa trên giá định hoạt động liên tục. Cơ sở lập Báo cáo tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 1 - "Khả năng hoạt động liên tục" phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2013

Lê Đức Minh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1628/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		120.448.082.630	175.757.070.217
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8.446.244.168	24.001.367.612
111	1. Tiền		8.446.244.168	24.001.367.612
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		52.333.408.774	61.274.277.387
131	1. Phải thu của khách hàng		39.029.600.921	40.394.819.600
132	2. Trả trước cho người bán		3.056.445.073	64.733.055
135	5. Các khoản phải thu khác	4	11.288.923.279	21.512.299.315
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.041.560.499)	(697.574.583)
140	IV. Hàng tồn kho	5	46.971.108.019	65.170.329.076
141	1. Hàng tồn kho		46.971.108.019	65.170.329.076
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.697.321.669	25.311.096.142
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	2.233.453.581	2.272.508.653
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.252.169.885	2.279.787.415
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	1.117.405	1.117.405
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	6.210.580.798	20.757.682.669
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.190.559.429.559	1.216.257.081.988
220	II. Tài sản cố định		1.172.701.229.542	1.206.502.651.693
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.172.587.668.598	1.206.317.757.425
222	- Nguyên giá		1.756.342.921.978	1.779.444.700.899
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(583.755.253.380)	(573.126.943.474)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	103.560.944	160.894.268
228	- Nguyên giá		291.699.500	291.699.500
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(188.138.556)	(130.805.232)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	10.000.000	24.000.000
240	III. Bất động sản đầu tư	12	-	-
241	- Nguyên giá		5.812.037.477	5.812.037.477
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.812.037.477)	(5.812.037.477)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	13.933.877.295	9.754.430.295
258	3. Đầu tư dài hạn khác		22.280.507.645	22.280.507.645
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(8.346.630.350)	(12.526.077.350)
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.924.322.722	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	3.924.322.722	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.311.007.512.189	1.392.014.152.205

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		996.106.735.172	1.047.411.505.001
310	I. Nợ ngắn hạn		337.653.254.772	401.817.255.111
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	158.000.038.478	211.630.559.276
312	2. Phải trả người bán		86.993.085.908	98.468.060.505
313	3. Người mua trả tiền trước		3.331.209.516	4.885.322.787
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.632.546.755	4.792.782.700
315	5. Phải trả người lao động		30.043.683.039	35.831.718.467
316	6. Chi phí phải trả	17	14.101.191.366	20.015.359.316
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	18	37.590.450.610	21.138.056.090
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.961.049.100	5.055.395.970
330	II. Nợ dài hạn		658.453.480.400	645.594.249.890
334	4. Vay và nợ dài hạn	19	658.453.480.400	641.204.060.000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	443.554.890
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	3.946.635.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		314.900.777.017	344.602.647.204
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	314.900.777.017	344.602.647.204
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(877.356.045)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		71.609.059.675	68.374.853.415
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		11.323.662.179	9.706.559.049
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		31.968.055.163	67.398.590.785
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.311.007.512.189	1.392.014.152.205

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		303.509.700	303.509.700
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		119.942,11	551.685,83
- Đồng Euro (EUR)		648,49	-
- Đồng Yên nhật (JPY)		0,28	-



Vương Ngọc Sơn
Kế toán trưởng



Cao Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 06 tháng 02 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	820.899.220.251	1.024.777.413.701
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		820.899.220.251	1.024.777.413.701
11	4. Giá vốn hàng bán	22	763.138.407.840	884.580.219.080
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		57.760.812.411	140.197.194.621
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	2.222.742.699	5.104.993.246
22	7. Chi phí tài chính	24	61.281.086.027	130.370.331.525
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		63.636.066.314	68.958.573.833
24	8. Chi phí bán hàng	25	21.395.432.622	22.166.597.358
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.169.833.105	31.655.748.126
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(50.862.796.644)	(38.890.489.142)
31	11. Thu nhập khác	27	25.265.112.942	90.606.653.304
32	12. Chi phí khác	28	2.693.577.572	15.915.478.270
40	13. Lợi nhuận khác		22.571.535.370	74.691.175.034
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(28.291.261.274)	35.800.685.892
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	3.458.623.288
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(28.291.261.274)	32.342.062.604
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	(1.415)	1.617

Sm

Vương Ngọc Sơn
Kế toán trưởng



Cao Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 06 tháng 02 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		829.351.312.980	966.528.799.319
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(676.726.846.652)	(652.933.922.080)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(90.140.987.486)	(104.508.366.455)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(57.723.388.981)	(68.466.555.951)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.354.258.025)	(9.446.775.211)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		58.203.203.815	115.499.990.138
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(65.256.334.409)	(150.862.252.064)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.647.298.758)	95.810.917.696
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.046.293.250)	(276.278.430.498)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		25.911.869.380	100.101.478.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(108.180.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		628.007.793	1.651.039.167
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		25.493.583.923	(174.634.093.331)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		373.066.393.316	523.076.279.558
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(409.418.703.442)	(398.340.442.930)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(131.735.000)	(42.185.663.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(36.484.045.126)	82.550.173.628
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(15.637.759.961)	3.726.997.993



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		24.001.367.612	20.082.077.511
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		82.636.517	192.292.108
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>8.446.244.168</u>	<u>24.001.367.612</u>



Vương Ngọc Sơn
Kế toán trưởng



Cao Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 06 tháng 02 năm 2013

5-C.
GY
HỮU H
TƯ V
TOÁN
TOÁN
M-TR

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

1 . THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 09 tháng 04 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty: Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 5E, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh tại Đà Nẵng	Số 26, Đường Nguyễn Chí Thanh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Chi nhánh tại Quảng Ninh	Số 73, Đường Lê Thánh Tông, Phường Hồng Gai, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
- Xí nghiệp dịch vụ vận tải	Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
- Xí nghiệp xếp dỡ vận tải và dịch vụ	Số 280 đường Ngô Quyền, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Kinh doanh vận tải biển;
- Khai thác cầu cảng, kho, bãi và dịch vụ giao nhận, kho vận;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ hợp tác lao động;
- Cho thuê văn phòng, kinh doanh khách sạn;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.

Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm 31/12/2012, nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn số tiền 217.205.172.142 đồng (tại 31/12/2011 là 226.060.184.894 đồng). Việc thiếu hụt vốn lưu động có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán hiện tại và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty, Ban Giám đốc đang làm việc với các ngân hàng để điều chỉnh lại kế hoạch trả nợ của các khoản vay dài hạn để mua, đóng mới tàu biển theo văn bản số 631/NHNN-TD của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc xử lý nợ của Vinalines tại các tổ chức tín dụng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu các tổ chức tín dụng xem xét thực hiện cơ cấu lại nợ đối với các khoản vay mua, đóng mới tàu biển của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và các doanh nghiệp thành viên mà Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam chiếm tỷ lệ góp vốn từ 51% trở lên với thời hạn 2 năm (đến hết năm 2013). Mặt khác, theo Nghị quyết 03/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2012 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, Công ty đang có kế hoạch bán từ 03 đến 04 tàu cũ khai thác không hiệu quả (Hà Tiên, Hà Đông, Hà Nam, Bình Phước) để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.



Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	04 - 15	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06	năm



Theo Công văn số 148/BTC-TCND của Bộ Tài chính ngày 03/04/2012 về việc hướng dẫn Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thực hiện cơ chế hỗ trợ, theo đó căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011 và tình hình hoạt động thực tế của đội tàu, cho phép các doanh nghiệp vận tải biển của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam có kết quả kinh doanh bị lỗ thực hiện điều chỉnh mức khấu hao chi tiết đối với từng con tàu, mức điều chỉnh giảm khấu hao tối đa không vượt quá 75% mức trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính, phạm vi áp dụng trong năm tài chính 2011 và 2012. Thực hiện theo văn bản trên, Công ty đã điều chỉnh giảm 70% mức khấu hao của đội tàu so với mức trích của năm 2011.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc

05 - 30 năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Từ năm 2012 Công ty thay đổi chính sách kế toán đối với các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT-BTC thay thế cho Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Việc xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được thay đổi so với năm 2011 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

	Năm 2012	Năm 2011
Tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính.	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược để xóa số dư.
Các khoản nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Việc thay đổi chính sách kế toán này không áp dụng hồi tố cho Báo cáo tài chính năm 2011 trở về trước.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty thực hiện chuyển đổi (cổ phần hóa) từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần, theo đó Công ty được hưởng ưu đãi như đối với doanh nghiệp thành lập mới theo quy định của pháp luật về khuyến khích đầu tư mà không cần phải làm thủ tục cấp chứng nhận ưu đãi đầu tư. Theo quy định tại Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 quy định chi tiết thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong vòng 10 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2007), miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với ngành nghề thuộc lĩnh vực ưu đãi. Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2007 và đã thực hiện kê khai miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2007, năm 2008 và giảm 50% số thuế phải nộp trong năm 2009, năm 2010, năm 2011. Công ty còn được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2012 và năm 2013.

TY
HỮU H
TU V
KẾ TO
EM T
VKIEN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	263.828.000	1.118.335.100
Tiền gửi ngân hàng	8.182.416.168	22.883.032.512
	8.446.244.168	24.001.367.612

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	51.873.046
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	361.587.100	-
Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
Phải thu tiền chi hộ Công ty Transco	1.364.195.342	1.811.242.658
Phải thu tiền bảo hiểm bồi thường tàu	-	7.351.501.128
Phải thu khác	2.220.653.263	4.955.194.909
	11.288.923.279	21.512.299.315

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	46.643.150.253	64.605.877.839
Hàng hoá	327.957.766	564.451.237
	46.971.108.019	65.170.329.076

6 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm trả trước cho các tàu	1.739.842.075	1.677.000.987
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	493.611.506	595.507.666
	2.233.453.581	2.272.508.653

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.117.405	1.117.405
	<u>1.117.405</u>	<u>1.117.405</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tạm ứng	6.205.580.798	7.254.302.481
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	5.000.000	5.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	-	13.498.380.188
	<u>6.210.580.798</u>	<u>20.757.682.669</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYỄN GIÁ									
Số dư đầu năm	27.529.934.221	157.030.048	1.750.607.270.388	1.150.466.242	1.779.444.700.899				
Số tăng trong năm	64.267.273	-	2.467.229.780	12.334.545	2.543.831.598				
- Mua sắm mới	-	-	928.693.380	12.334.545	941.027.925				
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	64.267.273	-	1.538.536.400	-	1.602.803.673				
Số giảm trong năm	-	-	(25.645.610.519)	-	(25.645.610.519)				
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(25.645.610.519)	-	(25.645.610.519)				
Số dư cuối năm	27.594.201.494	157.030.048	1.727.428.889.649	1.162.800.787	1.756.342.921.978				
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ									
Số dư đầu năm	8.716.634.454	135.174.511	563.419.137.378	855.997.131	573.126.943.474				
Số tăng trong năm	1.493.676.821	4.442.868	34.645.947.624	110.725.590	36.254.792.903				
- Trích khấu hao (*)	1.493.676.821	4.442.868	34.645.947.624	110.725.590	36.254.792.903				
Số giảm trong năm	-	-	(25.626.482.997)	-	(25.626.482.997)				
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(25.626.482.997)	-	(25.626.482.997)				
Số dư cuối năm	10.210.311.275	139.617.379	572.438.602.005	966.722.721	583.755.253.380				
GIÁ TRỊ CÒN LẠI									
Số dư đầu năm	18.813.299.767	21.855.537	1.187.188.133.010	294.469.111	1.206.317.757.425				
Số dư cuối năm	17.383.890.219	17.412.669	1.154.990.287.644	196.078.066	1.172.587.668.598				

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.148.972.746.409 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 147.086.482.676 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

(*) Năm 2012, Công ty thực hiện điều chỉnh giảm 70% mức khấu hao của đội tàu biển so với mức trích của năm 2011 theo Công văn số 148/BTC-TCND của Bộ Tài chính ngày 03/04/2012 về việc hướng dẫn Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thực hiện cơ chế hỗ trợ, theo đó theo các doanh nghiệp vận tải biển của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam có kết quả kinh doanh bị lỗ thực hiện điều chỉnh mức khấu hao chi tiết đối với từng con tàu, mức điều chỉnh giảm khấu hao tối đa không vượt quá 75% mức trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Chi phí khấu hao điều chỉnh giảm là 72.907.945.302 đồng.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	291.699.500	291.699.500
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	291.699.500	291.699.500
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	130.805.232	130.805.232
Số tăng trong năm	57.333.324	57.333.324
- Trích khấu hao	57.333.324	57.333.324
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	188.138.556	188.138.556
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	160.894.268	160.894.268
Số dư cuối năm	103.560.944	103.560.944

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Số dư đầu năm	24.000.000	125.502.500
Số tăng trong năm	1.588.803.673	303.759.624.852
Số đã kết chuyển tăng tài sản cố định trong năm	(1.602.803.673)	(303.861.127.352)
Số dư cuối năm	10.000.000	24.000.000
Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	10.000.000	24.000.000
- Dự án bãi container Đình Vũ - Hải Phòng	-	14.000.000
- Dự án đóng tàu 34.000 tấn	10.000.000	10.000.000
	10.000.000	24.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	5.812.037.477	5.812.037.477
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>5.812.037.477</u>	<u>5.812.037.477</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	5.812.037.477	5.812.037.477
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>5.812.037.477</u>	<u>5.812.037.477</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Đầu năm	-	-
Cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>

13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư dài hạn khác	22.280.507.645	22.280.507.645
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(8.346.630.350)	(12.526.077.350)
	<u>13.933.877.295</u>	<u>9.754.430.295</u>
Đầu tư dài hạn khác		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	6.895.467.645	6.895.467.645
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.385.040.000	15.385.040.000
	<u>22.280.507.645</u>	<u>22.280.507.645</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác:

Tên đơn vị	Mã CP	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
		SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
Cổ phiếu niêm yết		186.419	6.895.467.645	186.419	6.895.467.645
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VCB	48.833	3.286.010.000	48.833	3.286.010.000
CTCP phân đạm và hóa chất dầu khí	DPM	25.000	1.310.637.500	25.000	1.310.637.500
CTCP Xi măng Hà Tiên 1	HT1	18.900	485.801.225	18.900	485.801.225
CTCP Vận tải biển Việt Nam	VOS	60.000	1.276.000.000	60.000	1.276.000.000
CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	VST	33.686	537.018.920	33.686	537.018.920
Cổ phiếu chưa niêm yết		676.553	15.385.040.000	676.553	15.385.040.000
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SABECO	160.000	11.200.000.000	160.000	11.200.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	MB	516.553	4.185.040.000	516.553	4.185.040.000
Tổng cộng		862.972	22.280.507.645	862.972	22.280.507.645

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	3.924.322.722	-
	3.924.322.722	-

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	121.929.376.478	70.031.886.715
- Vay ngân hàng	106.609.376.478	69.471.886.715
- Vay cá nhân	15.320.000.000	560.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh 19)	36.070.662.000	141.598.672.561
	158.000.038.478	211.630.559.276

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**Chi tiết vay ngắn hạn**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng ⁽¹⁾	79.879.201.580	40.735.196.233
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	-	28.736.690.482
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - CN Hải Phòng ⁽²⁾	26.730.174.898	-
Vay cá nhân ⁽³⁾	15.320.000.000	560.000.000
	121.929.376.478	70.031.886.715

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng	12.082.527.000	72.481.440.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân	2.789.076.000	27.909.520.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Đồng Đa	21.199.059.000	30.304.740.000
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	-	10.902.972.561
	36.070.662.000	141.598.672.561

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 0059/11/HP ngày 22/06/2011 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi nhánh Hải Phòng, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải biển;
- + Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày rút vốn vay đến hết 29/06/2012, trong đó thời hạn của mỗi kế ước tối đa không quá 04 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Theo quy định của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam theo từng thời kỳ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản thế chấp là các tàu của Công ty bao gồm: Tàu biển Hà Đông, Tàu biển Hà Tiên, Tàu biển Bình Phước, Tàu biển Mỹ An và Tàu biển Vinaship Ocean;
- + Thời hạn trả nợ được quy định trong từng kế ước nhận nợ. Trong đó, theo Biên bản số 177/BB-UBTD ngày 28/06/2012 của Ủy ban tín dụng và đầu tư MSB thì Công ty được gia hạn trả nợ đến 31/07/2012 đối với khoản nợ vay thuộc kế ước số 2082370004233 ngày 29/03/2012.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)

(2) Hợp đồng tín dụng số 0095/12/HĐTĐHM/DN ngày 09/05/2012 tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 1.500.000 USD;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải biển tuyến quốc tế;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng từ ngày 09/05/2012 đến ngày 09/05/2013;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của HD Bank theo từng thời kỳ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản thế chấp là các tàu của Công ty bao gồm Tàu Mỹ An và Tàu Hà Nam.

(3) Các hợp đồng vay cá nhân để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh với thời hạn vay 3 tháng, lãi suất quy định trong hợp đồng tại từng thời điểm nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	26.541.749	95.916.989
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.354.258.025
Thuế Thu nhập cá nhân	1.606.005.006	1.614.190.686
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	728.417.000
	<u>1.632.546.755</u>	<u>4.792.782.700</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	2.284.333.335	3.114.850.250
Chi phí phải trả khác	11.816.858.031	16.900.509.066
	<u>14.101.191.366</u>	<u>20.015.359.316</u>

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.985.468.811	2.287.475.587
Bảo hiểm xã hội	1.863.870.636	224.917.750
Bảo hiểm y tế	627.721.356	83.868.921
Bảo hiểm thất nghiệp	141.040.484	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	10.123.635.000	10.255.370.000
Lãi vay phải trả	9.047.809.597	2.186.750.295
Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	4.793.625.699	1.451.072.611
Phải trả, phải nộp khác	8.007.279.027	4.648.600.926
	<u>37.590.450.610</u>	<u>21.138.056.090</u>

19 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	658.453.480.400	641.204.060.000
- Vay ngân hàng	658.453.480.400	641.204.060.000
	<u>658.453.480.400</u>	<u>641.204.060.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**Chi tiết vay dài hạn**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽¹⁾	103.685.450.000	103.685.450.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng ⁽²⁾	208.431.396.000	194.429.380.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân ⁽³⁾	149.488.229.400	146.108.420.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Đống Đa ⁽⁴⁾	196.848.405.000	196.980.810.000
	658.453.480.400	641.204.060.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**(1) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm 2 hợp đồng:**

Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 01A/2011/HĐTĐĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007), với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 118 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư dự án đóng mới tàu chở hàng khô 12.500 DWT - chiếc 03/KH 2005;
- + Thời hạn cho vay: 180 tháng từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 12/2006);
- + Thời hạn trả nợ gốc: 169 tháng từ tháng 11/2007, kỳ trả nợ đầu tiên của số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2012 là năm 2014;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất trong hạn 7,8%/năm. Lãi phát sinh trong thời gian giãn nợ từ 01/08/2011 đến 31/12/2013 trả theo hợp đồng đã ký;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: là tài sản hình thành từ vốn vay (Tàu Vinaship Gold);
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 73.685.450.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 0 đồng.

Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 02A/2011/HĐTĐĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 02/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007), với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 75 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư dự án đóng tàu chở hàng bách hóa loại 6.500 DWT tại nhà máy đóng tàu biển trong nước;
- + Thời hạn cho vay: 184 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 4/2003);
- + Thời hạn trả nợ gốc: 156 tháng từ tháng 04/2005, kỳ trả nợ đầu tiên của số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2012 là năm 2014;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất trong hạn 3%/năm. Lãi phát sinh trong thời gian giãn nợ từ 01/08/2011 đến 31/12/2013 trả theo hợp đồng đã ký;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: là tài sản hình thành từ vốn vay (Tàu Mỹ Hưng);
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 30 tỷ đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 0 đồng.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

(2) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm 2 hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0033/09/HP ngày 11/03/2009 và các phụ lục bổ sung, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 9.450.000 USD;
- + Mục đích vay: Mua tàu chở hàng khô Vinaship Diamond theo hợp đồng mua bán tàu biển ngày 05/03/2009;
- + Thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên;
- + Thời hạn trả nợ gốc: được kéo dài thêm 2 năm đến năm 2018 theo biên bản số 177/BB-UBTD ngày 28/06/2012 của Ủy ban tín dụng và đầu tư MSB về việc gia hạn trả nợ của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 03 tháng/lần;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: là tài sản hình thành từ vốn vay (Tàu Vinaship Diamond) và Tàu Mỹ Vượng;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 95.702.772.000 đồng (tương đương với 4.598.000 USD), số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 6.088.095.000 đồng (tương đương với 292.500 USD).

Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0198/09/HP ngày 12/10/2009 và các phụ lục bổ sung, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 9.000.000 USD;
- + Mục đích vay: Mua tàu chở hàng khô Vinaship Pearl theo hợp đồng mua bán tàu biển ngày 25/08/2009;
- + Thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên;
- + Thời hạn trả nợ gốc: được kéo dài thêm 2 năm đến năm 2018 theo biên bản số 177/BB-UBTD ngày 28/06/2012 của Ủy ban tín dụng và đầu tư MSB về việc gia hạn trả nợ của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 03 tháng/lần;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: là tài sản hình thành từ vốn vay (Tàu Vinaship Pearl), Tàu Vinaship Ocean, Tàu Vinaship Diamond, Tàu Hà Tiên, Tàu Bình Phước, Tàu Mỹ Vượng;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 112.728.624.000 đồng (tương đương với 5.416.000 USD), số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 5.994.432.000 đồng (tương đương với 288.000 USD).

(3) Hợp đồng tín dụng số 01.09/HĐTD-DH ngày 01/12/2009 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 11.000.000 USD;
- + Mục đích vay: Mua tàu biển Vinaship Sea, trọng tải 27.841 tấn, do Nhật Bản sản xuất năm 1998;
- + Thời hạn cho vay: 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên;
- + Thời hạn trả nợ gốc: được quy định theo từng giấy nhận nợ. Theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 03/VBSĐ ngày 19/10/2012, số tiền cho vay được trả thành 32 kỳ hạn (03 tháng/kỳ), trong đó từ kỳ thứ 11 (20/10/2012) đến kỳ thứ 15 (20/10/2013) số gốc phải trả là 33.500 USD/kỳ, giảm 301.500 USD/kỳ so với quy định ban đầu tại hợp đồng. Phần nợ gốc được giảm sẽ dồn vào thu trong các kỳ tiếp theo;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi vay thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/ lần. Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiền gửi USD của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kỳ 12 tháng + biên độ 3,5%/năm;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: là tài sản hình thành từ vốn vay (Tàu Vinaship Sea) và Tàu Mỹ Thịnh;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 149.488.229.400 đồng (tương đương với 7.182.100 USD), số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 2.789.076.000 đồng (tương đương với 134.000 USD).

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

(4) Hợp đồng tín dụng số 015/2011/HĐCVHV/BVBHP-IVBMD-VNA ngày 17/02/2011 tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Đồng Đa, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 11.640.000 USD;
- + Mục đích vay: Đầu tư mua tàu chờ hàng tổng hợp Vinaship Star trọng tải 23.949 DWT;
- + Thời hạn cho vay: 96 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên theo hợp đồng;
- + Thời hạn trả nợ gốc: được điều chỉnh giảm số tiền trả nợ gốc trong 02 năm (năm 2012 và năm 2013), phần nợ gốc được giảm sẽ dồn vào thu trong các năm tiếp theo theo thông báo số 015.01/2012/TBTD/DN-BVBHP ngày 16/03/2012 của Ngân hàng Bảo Việt. Tổng số nợ đến hạn trả được giãn nợ trong vòng 01 năm kể từ 31/12/2012 là 727.500 USD;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất cho vay USD 7% trong 3 tháng đầu tiên, được điều chỉnh 3 tháng/lần;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: là tài sản hình thành từ vốn vay (Tàu Vinaship Star), Tàu Mỹ Thịnh hoặc Tàu Hà Nam;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 196.848.405.000 đồng (tương đương với 9.457.500 USD), số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 21.199.059.000 đồng (tương đương với 1.018.500 USD).

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	36.070.662.000	141.598.672.561
Trong năm thứ hai	127.253.121.630	111.950.500.000
Từ năm thứ ba trở đi	531.200.358.770	529.253.560.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	(36.070.662.000)	(141.598.672.561)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>658.453.480.400</u>	<u>641.204.060.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NĂM 2011						
Số dư đầu năm	200.000.000.000	(1.219.965.378)	64.244.999.415	7.681.887.070	83.235.880.049	353.942.801.156
Lãi trong năm	-	-	-	-	32.342.062.604	32.342.062.604
Trích lập các quỹ	-	-	4.049.343.957	2.024.671.979	(8.098.841.825)	(2.024.825.889)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
Bổ sung từ thuế TNDN được giảm	-	-	80.510.043	-	(80.510.043)	-
Chênh lệch tỷ giá	-	342.609.333	-	-	-	342.609.333
Số dư cuối năm	200.000.000.000	(877.356.045)	68.374.853.415	9.706.559.049	67.398.590.785	344.602.647.204
NĂM 2012						
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(28.291.261.274)	(28.291.261.274)
Trích lập các quỹ	-	-	3.234.206.260	1.617.103.130	(4.851.309.390)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.617.103.130)	(1.617.103.130)
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(670.861.828)	(670.861.828)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	877.356.045	-	-	-	877.356.045
Số dư cuối năm	200.000.000.000	-	71.609.059.675	11.323.662.179	31.968.055.163	314.900.777.017

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 18/06/2012, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2011 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00%	32.342.062.604
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	3.234.206.260
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5,00%	1.617.103.130
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00%	1.617.103.130
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	2,07%	670.861.828
Lợi nhuận chưa phân phối	77,93%	25.202.788.256

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	51,00%	102.000.000.000	51,00%	102.000.000.000
Vốn góp của các Cổ đông khác	49,00%	98.000.000.000	49,00%	98.000.000.000
	100%	200.000.000.000	100%	200.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	40.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	40.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Quỹ đầu tư phát triển	71.609.059.675	68.374.853.415
Quỹ dự phòng tài chính	11.323.662.179	9.706.559.049
	82.932.721.854	78.081.412.464

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	697.213.018.131	878.569.676.350
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	123.686.202.120	146.207.737.351
	820.899.220.251	1.024.777.413.701

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động vận tải biển	651.553.539.854	750.755.435.331
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	111.584.867.986	133.824.783.749
	763.138.407.840	884.580.219.080

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	124.472.180	626.969.073
Cổ tức, lợi nhuận được chia	865.122.713	651.117.294
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.233.147.806	3.826.906.879
	2.222.742.699	5.104.993.246

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	63.636.066.314	68.958.573.833
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.607.281.348	57.266.225.692
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	217.185.365	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(4.179.447.000)	4.145.532.000
	61.281.086.027	130.370.331.525

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Hoa hồng phí cho các tàu	21.395.432.622	22.166.597.358
	21.395.432.622	22.166.597.358

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	480.056.039	771.260.050
Chi phí nhân công	17.207.761.832	20.143.984.213
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.018.578.659	1.030.760.477
Thuế, phí, lệ phí	1.489.418.175	1.543.469.000
Chi phí dự phòng	343.985.916	467.630.086
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.956.945.894	2.242.610.770
Chi phí khác bằng tiền	5.673.086.590	5.456.033.530
	<u>28.169.833.105</u>	<u>31.655.748.126</u>

27 . THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	24.209.400.000	89.467.168.180
Thu nhập khác	1.055.712.942	1.139.485.124
	<u>25.265.112.942</u>	<u>90.606.653.304</u>

28 . CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	1.100.977.762	15.348.454.127
Chi phí khác	1.592.599.810	567.024.143
	<u>2.693.577.572</u>	<u>15.915.478.270</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**29 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(28.291.261.274)	35.800.685.892
Các khoản điều chỉnh tăng	707.039.252	72.000.000
- Chi phí không hợp lệ	71.703.529	72.000.000
- Chênh lệch tỷ giá của khoản phải trả ngắn hạn 2011	635.335.723	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(865.122.713)	(1.286.453.017)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(865.122.713)	(651.117.294)
- Chênh lệch tỷ giá của khoản phải trả ngắn hạn	-	(635.335.723)
Tổng thu nhập tính thuế	(28.449.344.735)	34.586.232.875
- Thu nhập tính thuế còn lại	(28.449.344.735)	34.586.232.875
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10%	10%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất năm hiện hành	-	3.458.623.288
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	3.458.623.288
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.354.258.025	8.342.409.948
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.354.258.025)	(9.446.775.211)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	-	2.354.258.025

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(28.291.261.274)	32.342.062.604
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(28.291.261.274)	32.342.062.604
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.415)	1.617

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	350.241.294.789	350.478.029.899
Chi phí nhân công	105.668.779.396	140.782.009.189
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.312.126.227	116.502.672.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	306.595.394.863	297.438.789.523
Chi phí khác bằng tiền	13.886.078.292	33.201.063.200
Tổng chi phí sản xuất	812.703.673.567	938.402.564.564

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	8.446.244.168	-	24.001.367.612	-
Phải thu khách hàng	39.029.600.921	(1.041.560.499)	40.394.819.600	(697.574.583)
Phải thu khác	11.288.923.279	-	21.512.299.315	-
Đầu tư dài hạn	22.280.507.645	(8.346.630.350)	22.280.507.645	(12.526.077.350)
	81.045.276.013	(9.388.190.849)	108.188.994.172	(13.223.651.933)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	816.453.518.878	852.834.619.276
Phải trả người bán	86.993.085.908	98.468.060.505
Chi phí phải trả	14.101.191.366	20.015.359.316
Phải trả khác	37.590.450.610	21.138.056.090
	955.138.246.762	992.456.095.187

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.446.244.168	-	-	8.446.244.168
Phải thu khách hàng	37.988.040.422	-	-	37.988.040.422
Phải thu khác	11.288.923.279	-	-	11.288.923.279
Đầu tư dài hạn	-	13.933.877.295	-	13.933.877.295
	57.723.207.869	13.933.877.295	-	71.657.085.164
Tại 01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.001.367.612	-	-	24.001.367.612
Phải thu khách hàng	39.697.245.017	-	-	39.697.245.017
Phải thu khác	21.512.299.315	-	-	21.512.299.315
Đầu tư dài hạn	-	9.754.430.295	-	9.754.430.295
	85.210.911.944	9.754.430.295	-	94.965.342.239

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 31/12/2012				
Vay và nợ	158.000.038.478	613.408.673.550	45.044.806.850	816.453.518.878
Phải trả người bán	86.993.085.908	-	-	86.993.085.908
Chi phí phải trả	14.101.191.366	-	-	14.101.191.366
Phải trả khác	37.590.450.610	-	-	37.590.450.610
	296.684.766.362	613.408.673.550	45.044.806.850	955.138.246.762
Tại 01/01/2012				
Vay và nợ	211.630.559.276	641.204.060.000	-	852.834.619.276
Phải trả người bán	98.468.060.505	-	-	98.468.060.505
Chi phí phải trả	20.015.359.316	-	-	20.015.359.316
Phải trả khác	21.138.056.090	-	-	21.138.056.090
	351.252.035.187	641.204.060.000	-	992.456.095.187

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động vận tải biển VND	Hoạt động kinh doanh dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	697.213.018.131	123.686.202.120	820.899.220.251
Chi phí trực tiếp	672.948.972.476	111.584.867.986	784.533.840.462
Chi phí phân bổ	21.736.402.159	65.491.774.274	87.228.176.433
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.527.643.496	(53.390.440.140)	(50.862.796.644)
Tài sản bộ phận	1.226.232.962.386	26.955.620.377	1.253.188.582.763
Tài sản không phân bổ	-	-	57.818.929.426
Tổng tài sản	1.226.232.962.386	26.955.620.377	1.311.007.512.189
Nợ phải trả của các bộ phận	909.759.306.246	8.761.607.452	918.520.913.698
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	77.585.821.474
Tổng nợ phải trả	909.759.306.246	8.761.607.452	996.106.735.172

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

	<u>Trong nước</u>	<u>Quốc tế</u>	<u>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</u>
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	123.686.202.120	697.213.018.131	820.899.220.251
Tài sản bộ phận	84.774.549.803	1.226.232.962.386	1.311.007.512.189
Tổng chi phí mua tài sản cố định	2.543.831.598	-	2.543.831.598

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
		VND	VND
Trả cổ tức			
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Tổng Công ty	-	23.400.000.000
Chi phí lãi vay			
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Tổng Công ty	1.044.527.339	774.997.065

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
		VND	VND
Cổ tức phải trả			
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Tổng Công ty	9.400.000.000	9.400.000.000
Gốc vay phải trả			
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Tổng Công ty	-	10.902.972.561
Lãi vay phải trả			
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Tổng Công ty	3.231.277.634	2.186.750.295

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	2.951.235.672	1.418.134.236

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán.



Vương Ngọc Sơn
Kế toán trưởng



Cao Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 06 tháng 02 năm 2013